

(Theo mẫu tại phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

NĂM 2023



Hải phòng, tháng 03 năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200453688
- Vốn điều lệ: 1.333.956.420.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.333.956.420.000 đồng
- Địa chỉ: Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3836705
- Số fax: 0225.3836104
- Website: www.viconship.com
- Mã cổ phiếu: VSC

❖ Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân của Công ty là Công ty Container Việt Nam, chính thức thành lập ngày 27 tháng 7 năm 1985 theo quyết định số 1310/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Số vốn ban đầu được Nhà nước giao tại thời điểm thành lập là 7,2 triệu đồng.
- Các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty ngay từ khi thành lập là: Cung cấp các dịch vụ về đại lý tàu biển, đại lý giao nhận cho các hãng tàu Container nước ngoài, bốc xếp, vận chuyển container, khai thác kho bãi... Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam tổ chức các hoạt động dịch vụ vận tải bằng container. Với phương châm tự tích lũy để phát triển, chuyển đổi phù hợp với nền kinh tế thị trường, Công ty đã trưởng thành về mọi mặt, quy mô sản xuất tăng đáng kể.
- Năm 2002, Công ty tiến hành cổ phần hóa toàn bộ doanh nghiệp với tên gọi Công ty Cổ phần Container Phía Bắc theo quyết định số 183/TTG ngày 04 tháng 03 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Tháng 6 năm 2002, đổi tên thành Công ty Cổ phần Container Việt Nam.
- Ngày 12/12/2007, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định niêm yết số 172/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship) niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP HCM. Ngày 09/01/2008 cổ phiếu Viconship đã chính thức giao dịch với mã chứng khoán VSC và là công ty thứ 139 niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

❖ Các sự kiện khác:

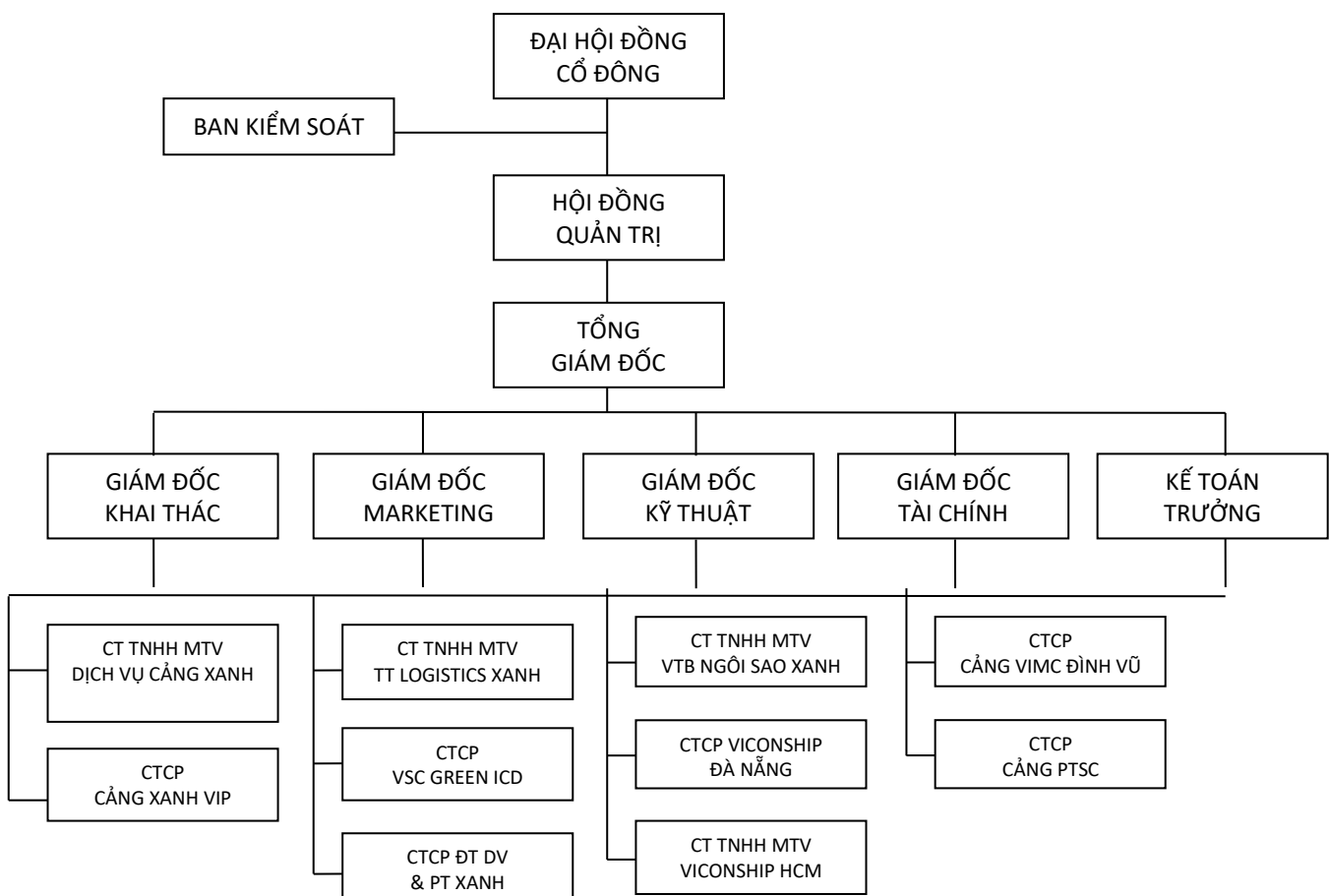
- Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2002, được sửa đổi bổ sung lần thứ 26 vào ngày 28 tháng 02 năm 2024 với mã số doanh nghiệp: 0200453688.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Khai thác cảng biển
 - + Khai thác kho, bãi
 - + Vận tải bộ ...
- Địa bàn kinh doanh:
- Công ty hoạt động kinh doanh trên các địa bàn: Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Tp Hồ Chí Minh. Trong đó, địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng doanh thu lớn là khu vực Hải Phòng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Tổng giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
- Công ty Cổ phần Container Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần container Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.
- Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Container Việt Nam đã xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, định hướng hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và phụ thuộc trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam.



- Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Tp. Hải Phòng.	Công ty con	Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi	518.850.000.000	74%
2	Công ty CP Đầu tư dịch vụ và phát triển xanh	Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Công ty con	Bốc xếp, kho bãi	80.400.000.000	66%
3	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Số 75 Quang Trung – TP Đà Nẵng	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	19.825.000.000	65%
4	Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	Số 5 Võ Thị Sáu – Tp. Hải Phòng	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	76.000.000.000	100%
5	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải – Tp. Hải Phòng	Công ty con	Bốc xếp, kho bãi	620.000.000.000	100%
6	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	Số 1 Ngô Quyền – Đông Hải 1 – Hải An – Tp. Hải Phòng.	Công ty con	Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi	110.000.000.000	100%
7	Công ty TNHH MTV Viconship HCM	Khu A, Tầng G, số 8 Phùng Khắc Khoan - Phường Đa Kao – Quận 1 – TP HCM	Công ty con	Kinh doanh vận tải đường bộ, Forwarding.	20.000.000.000	100%
8	Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	Yết Kiêu – Phường Thọ Quang – Sơn Trà – Đà Nẵng	Công ty liên kết	Kho bãi	14.430.000.000	31%
9	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	KCN Đình Vũ – Hải An – Tp. Hải Phòng	Công ty liên kết	Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi	80.991.207.286	22%
10	Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội	Số 11 Võ Thị Sáu, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	Công ty liên kết	Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	2.002.500.000	30%
11	Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	KCN Đình Vũ, Cát Hải, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Công ty liên kết	Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi	392.492.736.000	36%

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - + Tiến hành mở rộng, phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.
 - + Nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách hàng. Đảm bảo việc phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và phấn đấu trở thành một công ty logistics mang tầm cỡ quốc tế.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Xem xét nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
 - + Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng luôn song hành và gắn liền với hệ thống quản lý, văn hóa của Công ty.

5. Các rủi ro

- Thị trường vận tải biển vẫn tiếp tục có nhiều biến động, đặc biệt vận tải container đường biển các hãng tàu lớn trên thế giới vẫn cạnh tranh thị phần và giá cước vận tải.
- Vấn đề chính trị quốc tế không ổn định, tạo ra những bất ổn trong thương mại quốc tế cũng sẽ dẫn đến các bất ổn của thị trường quốc tế (bao gồm cả lĩnh vực cảng biển), nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng bất lợi đến tăng trưởng, lạm phát, công ăn việc làm và nhiều khía cạnh khác của kinh tế vĩ mô.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tổ chức và nhân sự

- ❖ Danh sách Ban điều hành:

STT	Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc	0,02%
2	Ông Tạ Công Thông	Giám đốc Marketing	0%
3	Ông Phan Văn Hưng	Giám đốc Tài chính	0%
4	Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật	0,02%
5	Ông Lê Thế Trung	Kế toán trưởng	0,07%

- ❖ Tóm tắt lý lịch:

Ông Cáp Trọng Cường – Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 24/04/1977

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CCCD: 031077009079

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 168 Vũ Chí Thắng, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Ông Tạ Công Thông – Giám đốc Marketing

Ngày sinh: 27/09/1985 Nơi sinh: Hải Phòng
Số CCCD: 031085020278 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 60P1A T1+2 Trần Nhật Duật, Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương
Chức vụ hiện tại: Giám đốc Marketing Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Ông Nguyễn Thế Trọng – Giám đốc kỹ thuật

Ngày sinh: 01/11/1978 Nơi sinh: Hải Phòng
Số CCCD: 031078002237 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: Số nhà Venice 15A10, khu Vinhomes Xi măng Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, cử nhân quản trị doanh nghiệp.
Chức vụ hiện tại: Giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Ông Phan Văn Hưng – Giám đốc Tài chính

Ngày sinh: 11/07/1079 Nơi sinh: Hải Phòng
Số CCCD: 031079002752 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: NT4.05, Vinhomes Marina, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng.
Chức vụ hiện tại: Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Ông Lê Thế Trung – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 10/07/1975 Nơi sinh: Hải Phòng
Số CMND: 031075000430 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: Số nhà 13, Đông Trà 3, Dư Hàng Kênh, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển.
Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Container Việt Nam.

- ❖ Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2023:
 - Nghị quyết HĐQT số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 10/03/2023 đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Bùi Minh Hưng; miễn nhiệm chức vụ Giám đốc khai thác đối với ông Cáp Trọng Cường đồng thời bổ nhiệm ông Cáp Trọng Cường giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Container Việt Nam kể từ ngày 10/03/2023.
- ❖ Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
 - Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty là: 1.223 nhân viên.
 - Tại ngày 31/12/2022, tổng số lao động của Công ty là: 1.233 nhân viên.
 - Công ty Cổ phần Container Việt Nam coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách, đãi ngộ để đảm bảo quyền lợi và lợi ích chính đáng của người lao động.

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- ❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:
 - Năm 2023 tình hình lạm phát toàn cầu vẫn ở mức cao, sự phục hồi kinh tế còn chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn vẫn diễn ra. Giá năng lượng thế giới tăng cao, xung đột chính trị, chiến tranh kéo dài, kinh tế yếu dẫn tới sức mua tại các thị trường lớn giảm mạnh. Thị trường xuất nhập khẩu gặp nhiều khó khăn ảnh

hưởng của chiến tranh, tình hình lạm phát kéo dài, giá nhiên liệu xăng dầu, chi phí vận chuyển tăng cao, các doanh nghiệp thiếu đơn hàng, hàng tồn kho nhiều. Từ quý III thị trường mới bắt đầu có dấu hiệu phục hồi, với sự chỉ đạo và chiến lược phát triển đúng đắn của HĐQT, Ban điều hành, Công ty cơ bản vẫn duy trì kết quả kinh doanh sát với kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua:

- + Tổng doanh thu thuần đạt 2.180,94 tỷ đồng.
- + Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 265,13 tỷ đồng.
- + Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 844 đồng.
- Hoạt động khai thác cảng biển vẫn là hoạt động chính chiếm tỷ trọng lớn về doanh thu và lợi nhuận.

❖ Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ			
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ	Năm 2022	Tỷ lệ	Năm 2021	Tỷ lệ
Tổng doanh thu	2.180,94	2.250	96,93%	2.007,40	108,65 %	1.892,13	115,26 %
Lợi nhuận trước thuế	265,13	260	101,97%	476,91	55,59 %	482,69	54,93 %

- Tổng doanh thu thuần đạt 2.180,94 tỷ đồng, đạt 96,93% so với kế hoạch năm 2023 do ĐHCĐ giao và tăng 8,65% so với thực hiện năm 2022.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 265,13 tỷ đồng, tăng 1,97% so với kế hoạch năm 2023 do ĐHCĐ giao và đạt 55,59% (giảm 44,41%) so với thực hiện năm 2022.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

❖ Các khoản đầu tư lớn:

- Mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Kim khí Xuất nhập khẩu Huy Hoàng theo hợp đồng đặt cọc số 02/2023/HĐĐC/HH-VSC ngày 6/4/2023 và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Đoàn Huy theo hợp đồng đặt cọc số 03/2023/HĐĐC/ĐH-VSC ngày 21/12/2023 tại Cảng Nam Hải Đình Vũ: 161 tỷ đồng.
- Hợp tác đầu tư, triển khai kinh doanh dự án khách sạn Hyatt Place Hải Phòng theo quyết định số 1045/QĐ-UBND đề ngày 04/04/2022: 813,6 tỷ đồng.

❖ Các công ty con, công ty liên kết:

• Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP

- Mối quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi.
- Tình hình tài chính:
 - Kết quả kinh doanh năm 2023 như sau:
 - + Doanh thu: 895,54 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 307,48 tỷ đồng

• Công ty CP Đầu tư dịch vụ và phát triển xanh

- Mối quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: khai thác kho bãi, bốc xếp hàng hóa, sửa chữa container.
- Tình hình tài chính:
 - Kết quả kinh doanh năm 2023 như sau:

- + Doanh thu: 172,27 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 18,59 tỷ đồng

- **Công ty Cổ phần Container Miền Trung**

- Mối quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi.
- Tình hình tài chính:
Kết quả kinh doanh năm 2023 như sau:
 - + Doanh thu: 264 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 15 tỷ đồng

- **Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh**

- Mối quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa.
- Tình hình tài chính:
Kết quả kinh doanh năm 2023 như sau:
 - + Doanh thu: 198,22 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 17,42 tỷ đồng

- **Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh**

- Mối quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: Kinh doanh kho bãi, bốc xếp hàng hóa.
- Tình hình tài chính:
Kết quả kinh doanh năm 2023 như sau:
 - + Doanh thu: 203,22 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: -57,49 tỷ đồng

- **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh**

- Mối quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: Kinh doanh kho bãi, bốc xếp hàng hóa.
- Tình hình tài chính:
Kết quả kinh doanh năm 2023 như sau:
 - + Doanh thu: 485,34 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 76,47 tỷ đồng

- **Công ty TNHH MTV Viconship HCM**

- Mối quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: Kinh doanh vận tải đường bộ, Forwarding.
- Tình hình tài chính:
Kết quả kinh doanh năm 2023 như sau:
 - + Doanh thu: 187,34 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: - 1,6 tỷ đồng

- **Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng**

- Mối quan hệ: Công ty liên kết
- Lĩnh vực hoạt động chính: khai thác kho, bãi

- **Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ**

- Mối quan hệ: Công ty liên kết

- Lĩnh vực hoạt động chính: bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi
- **Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội**
 - Mối quan hệ: Công ty liên kết
 - Lĩnh vực hoạt động chính: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- **Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ**
 - Mối quan hệ: Công ty liên kết
 - Lĩnh vực hoạt động chính: bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi
- **Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ**
 - Mối quan hệ: Công ty liên kết
 - Lĩnh vực hoạt động chính: Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi.

4. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	± %
Tổng giá trị tài sản	5.190.925.854.088	4.366.810.324.093	19%
Doanh thu thuần	2.180.945.411.694	2.007.397.494.749	9%
Lợi nhuận từ HĐKD	268.035.046.041	484.002.690.947	-45%
Lợi nhuận khác	-2.904.458.562	-7.089.960.915	59%
Lợi nhuận trước thuế	265.130.587.479	476.912.730.032	-44%
Lợi nhuận sau thuế	199.022.025.920	393.139.126.743	-49%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		20%	

- Các chỉ tiêu khác
- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	3,34 lần	3,01 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	3,27 lần	2,95 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	36,54%	26,69%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	57,57%	36,41%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán</i> <i>Hàng tồn kho bình quân</i>	47,24 lần	54,89 lần	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	42,01%	45,97%	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	9,13%	19,58%	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,04%	12,28%	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	3,83%	9,00%	
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	12,29%	24,11%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu: 133.395.642 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 133.395.642 cổ phiếu, trong đó:
 - + Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 133.178.200 cổ phiếu
 - + Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 217.442 cổ phiếu (hạn chế chuyển nhượng 3 năm, đến 13/01/2025)

5.2. Cơ cấu cổ đông – tính tại ngày chốt quyền 29/12/2023

STT	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP nắm giữ
1	Tổ chức	8,71	11.620.392
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	1,78	2.374.096
	Tổ chức Việt nam	6,93	9.246.296
	Cá nhân	91,29	121.775.250
	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	0,63	838.589
	Cá nhân Việt nam	90,66	120.936.661
2	Trong nước	97,59	130.182.957
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	6,93	9.246.296
	Cá nhân trong nước	90,66	120.936.661
	Nước ngoài	2,41	3.212.685
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	1,78	2.374.096
	Cá nhân nước ngoài	0,63	838.589
3	Phân loại khác		0
	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên		0
	Cổ đông Nhà nước		0
	Cổ phiếu quỹ		0

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ngày 10/03/2023, trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 12.126.245 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1, tăng vốn điều lệ Công ty từ 1.212.693.970.000 đồng lên 1.333.956.420.000 đồng

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là: 0 cổ phiếu.

5.5. Các chứng khoán khác: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp: Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cảng biển, kho bãi nên ước tính tổng lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp đạt mức độ thấp.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty luôn áp dụng các công nghệ mới, trang bị các thiết bị hiện đại trong sản xuất kinh doanh để giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm;
- Ngành nghề chính của Công ty là bốc xếp cảng biển, khai thác kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hàng hải, nên nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất kinh doanh của Công ty là điện năng, dầu diesel, dầu mỡ phụ và các vật tư phụ tùng khác. Nguyên vật liệu năm 2023 là: 174,83 tỷ đồng.
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: rất ít.

6.3. Tiêu thụ năng lượng => Mục này đề nghị Phòng kỹ thuật cung cấp thông tin

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp tương đương: 96,95 tỷ đồng
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này. Công ty đã đầu tư hệ thống lấy sáng tự nhiên trên mái của tất cả các kho tại GLC, GRP, nhà xưởng của GSL, cùng với đó là sáng kiến thay thế hệ thống chiếu sáng CY dùng đèn halogen bằng đèn LED hiệu suất cao, qua đó tiết kiệm được năng lượng phục vụ chiếu sáng tương đương 2,8 tỷ đồng

6.4. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): => Mục này đề nghị Phòng kỹ thuật cung cấp thông tin

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:
- Lượng nước tiêu thụ chủ yếu là nước phục vụ cho sinh hoạt văn phòng, vệ sinh bãi, container. Lượng nước sử dụng năm 2021 tương đương: 2,15 tỷ đồng
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
- Số lượng lao động bình quân trong năm của Công ty là: 1.310 nhân viên.
 - Thu nhập bình quân: 19.390.000 đồng/người/tháng.
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
- Văn hoá Công ty CP Container Việt Nam luôn coi con người là cội nguồn sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến môi trường làm việc; chính sách-quyền lợi cho người lao động. Thường xuyên đối thoại, trao đổi cùng Tổ chức công đoàn thông qua các chương trình làm việc và Hội nghị người lao động được tổ chức hàng năm.
 - Định mức lao động; đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với thực tế khai thác kinh doanh; hao phí sức lao động và tuyệt đối tuân thủ các chính sách pháp luật hiện hành.
 - Quy chế trả lương công khai minh bạch, đúng kỳ hạn. Đảm bảo người lao động có việc làm; thời gian nghỉ ngơi đúng luật và thu nhập ổn định.
 - Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.
 - Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ ... Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.
- c) Hoạt động đào tạo người lao động
- Năm 2023 công tác đào tạo nhân lực thể hiện qua các nội dung:
- Đào tạo tại nước ngoài: 05 trong đó 02 cán bộ cao cấp tại Mỹ và 03 cán bộ cấp cao tại Nhật Bản (theo chương trình của JICA).
 - Đào tạo cán bộ quản lý cấp trung: 28 người
 - Chuyên môn nghiệp vụ: 50 người
 - Huấn luyện định kỳ (PCCC, An toàn vệ sinh viên; sơ cấp cứu...): 1.190 người
 - Đào tạo nghề 2: 106 người
 - Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp.
 - Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công tác từ thiện, xã hội được Công ty đặc biệt quan tâm. Trong năm qua Công ty đã tích cực tham gia công tác từ thiện, xã hội bằng các việc làm thiết thực, cụ thể:

- Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng, trong năm 2023 công ty tích cực ủng hộ quỹ “Vì người nghèo” của thành phố Hải Phòng và quận Ngô Quyền với số tiền 100 triệu đồng; “Chương trình học bổng cho học sinh nghèo 2023” của hội từ thiện Hải Phòng với số tiền 100 triệu đồng. Đồng thời Công ty đã tổ chức thăm, tặng quà cho các hộ gia đình chính sách và các hộ gia đình nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng với giá trị trăm triệu đồng.
- Là tài trợ “Kim Cương” cho Lễ hội Hoa Phượng Đỏ Hải Phòng 2023 với số tiền 3.000.000.000 đồng.
- Ủng hộ chương trình bắn pháo hoa của thành phố Hải Phòng nhân dịp tết Giáp Thìn 100 triệu đồng.

- Ngoài ra Công ty còn phối hợp với các tổ chức đoàn thể: Ủng hộ kinh phí hỗ trợ thanh niên nhập ngũ có hoàn cảnh khó khăn; Xây nhà tình nghĩa cho các Thương binh, gia đình Liệt sĩ, gia đình chính sách; Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới; Ủng hộ quỹ “Mái ấm công đoàn”; Làm công tác từ thiện nhân đạo, ủng hộ cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp 27/7 & 22/12...vv với số tiền lên tới hàng trăm triệu đồng.
- Tổng số tiền tham gia các hoạt động từ thiện nhân đạo trong năm 2023 lên tới 1,356 tỷ đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

- Công ty đang có những định hướng và áp dụng để phát triển hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

6.9. Báo cáo liên quan đến chi phí kiểm toán năm 2023

- Trong năm 2023, Công ty và các Công ty con đã phát sinh các Hợp đồng dịch vụ với Công ty TNHH PwC Việt Nam như sau:

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng
1	Các Hợp đồng dịch vụ kiểm toán	
	- Kiểm toán BCTC Công ty mẹ	590.000.000
	- Kiểm toán BCTC các Công ty con	1.560.000.000
2	Các Hợp đồng dịch vụ ngoài kiểm toán	
	- Dịch vụ thuế & tư vấn phát sinh tại Công ty mẹ	4.852.642.000
	- Dịch vụ thuế & tư vấn phát sinh tại các Công ty con	240.000.000

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- ❖ Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:
 - Năm 2023 vẫn là 1 năm có nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt. Với việc giữ vững các khách hàng hiện hữu, VSC đang gia tăng vị thế nhanh chóng trong việc vận hành chuỗi logistics đầy đủ nhờ Sở hữu cảng biển có hiệu quả hoạt động cao – vận tải – kho/bãi container; Định hướng tập trung phát triển mảng khai thác cảng biển, dịch vụ và cơ sở hạ tầng phục vụ logistics, và Gia tăng hợp tác và tham gia vào quản trị của các đối tác chiến lược.
 - Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện quyết liệt, quản lý tốt các nguồn thu/chi của Công ty và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nghiêm túc đầy đủ.
 - Công tác làm thị trường được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm. Chiến lược làm thị trường trong toàn Công ty được nâng trên định hướng “mang thêm các dịch vụ giá trị gia tăng cho Khách hàng – VAS” như mở rộng Trung tâm dịch vụ khách hàng Xanh tại Greenport làm thủ tục cho khách hàng của các công ty thành viên VSC tại Hải Phòng, cung cấp dịch vụ theo gói tới khách hàng từ cảng, vận tải, kho, bãi, thủ tục hải quan...
 - Công ty tiếp tục kinh doanh có hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Thương hiệu Công ty ngày càng được nhiều Khách hàng/ tổ chức tài chính/ Công ty cùng ngành nghề trong và ngoài nước biết đến và đặt mối quan hệ hợp tác cũng như trở thành cổ đông của Công ty. Người lao động được đảm bảo việc làm; thu nhập ổn định. Công tác an sinh xã hội; trách nhiệm với cộng đồng được thực hiện tốt.

- Tổng doanh thu thuần đạt 2.180,94 tỷ đồng, đạt 96,93% so với kế hoạch năm 2023 do ĐHĐCĐ giao và tăng 8,65% so với thực hiện năm 2022.
 - Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 265,13 tỷ đồng, tăng 1,97% so với kế hoạch năm 2023 do ĐHĐCĐ giao và đạt 55,59% (*giảm 44,41%*) so với thực hiện năm 2022.
- ❖ Những tiến bộ công ty đã đạt được:
- Năm 2023, Công ty đạt được mức tăng trưởng vượt bậc trong sản xuất kinh doanh, tạo tiền đề cho quá trình tăng trưởng và phát triển Công ty trong giai đoạn sắp tới.
 - Thương hiệu của Công ty ngày càng được nâng cao trên thị trường trong nước và quốc tế.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tổng tài sản đầu kỳ 4.366,81 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 1.305,80 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 3.061,01 tỷ đồng.
- Tổng tài sản cuối kỳ 5.190,93 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 1.300,93 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 3.890 tỷ đồng.
- Trong năm Công ty đã đầu tư, đưa vào sử dụng các máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải. Các tài sản đầu tư thêm đã mang lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.
- Không có nợ phải thu xấu. Các khoản nợ phải thu luôn được tích cực thu hồi sớm, tránh triệt để trường hợp khách hàng nợ đọng kéo dài.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:
 - + Nợ phải trả đầu kỳ là 1.165,61 tỷ đồng
 - + Nợ phải trả cuối kỳ là: 1.896,62 tỷ đồng.
- Hiện tại Công ty thực hiện tốt nghĩa vụ thanh toán theo quy định hợp đồng và không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn. Chênh lệch lãi vay ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (*chênh lệch của tỉ giá hối đoái không ảnh hưởng*).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tổ chức quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị các chi phí theo đúng các quy định hiện hành cũng như các quy định thường xuyên được cải tiến ban hành mới.
- Các quy trình quản lý, sản xuất được rà soát, sửa đổi và làm mới phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Các Công ty con, đơn vị thành viên chủ động làm mới các quy trình phù hợp với đơn vị.
- Ý thức trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và năng suất lao động của CBCNV luôn được nâng cao.
- Tổ chức thi thợ giỏi, khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.
- Ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ. Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng phần mềm “E-port” và các ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực khác.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh chính của Công ty ổn định trên 3 miền Bắc – Trung – Nam.

- Kiên định với chiến lược tiếp thị và làm thị trường “giữ vững khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới” thông qua việc cùng khách hàng cung cấp các giải pháp “Gói dịch vụ” song song với việc cung cấp thêm “Dịch vụ giá trị gia tăng”.
- Đầu tư mở rộng sản xuất cho các hạng mục cơ sở hạ tầng gắn chặt với các mảng kinh doanh cốt lõi của công ty để phát triển cho năm 2023 và các năm tiếp theo.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của CBCNV và đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Đào tạo nguồn nhân lực cho mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và tính chủ động sáng tạo.
- Luôn tiên phong ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị làm thị trường.
- Rà soát nhân sự, tiền lương và điều chuyển lao động hợp lý giữa các đơn vị để quản lý và sử dụng lao động hiệu quả nhất.
Tăng cường kiểm tra giám sát các Công ty con, các đơn vị thành viên.
- Quản lý tốt nguồn lực, các chi phí; triệt để tiết kiệm; đảm bảo kinh doanh có hiệu quả; tỷ lệ cổ tức đạt từ 20% và có tích lũy để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)
 - + Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên hàng đầu trong quá trình phát triển bền vững Công ty.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
 - + Công ty cổ phần container Việt Nam coi con người là cội nguồn của sức mạnh. Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.
 - + Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.
 - + Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn. Hoàn thành tốt việc nâng bậc lương trong năm theo đúng quy định.
 - + Người lao động đảm bảo có việc làm, phát triển nghề nghiệp và thu nhập ổn định.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
 - + Là doanh nghiệp đi đầu trong việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương. Luôn tích cực trong công tác đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2023, Viconship đã tập trung và tiếp tục triển khai một số công tác trọng tâm sau:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường.
- Điều phối hài hòa tiến độ các dự án đầu tư theo mức độ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Khởi công dự án cảng nước sâu tại Hải Phòng trong giai đoạn 2024-2025, tiếp tục nghiên cứu đầu tư cảng nước sâu tại Đà Nẵng, Vũng Tàu cùng các khu hậu cần logistics tiềm năng.

- Thực hiện tái cấu trúc bộ máy quản lý toàn hệ thống Công ty thông qua tư vấn của PwC. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của CBCNV và đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Đào tạo nguồn nhân lực cho mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và tính chủ động sáng tạo
- Tiếp tục triển khai chuyển đổi số theo lộ trình tư vấn của FPT Digital, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị làm thị trường.
- Rà soát nhân sự, tiền lương và điều chuyển lao động hợp lý giữa các đơn vị để quản lý và sử dụng lao động hiệu quả nhất
- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, chi; tiết giảm chi phí.
- Chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.
- Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công ty đại chúng. Với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của HĐQT, Ban điều hành và tập thể người lao động, các mặt hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tốt và đúng định hướng. Công ty phát triển với tốc độ ổn định về quy mô, hiệu quả kinh doanh cao, doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng vượt bậc so với kế hoạch đề ra.
- Trách nhiệm môi trường luôn được Công ty coi trọng và đề cao trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác an sinh - xã hội, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt. Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, và phúc lợi xã hội. Người lao động trong Công ty được đảm bảo việc làm, tiến bộ và có thu nhập cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Năm 2023 thị trường hàng hóa có nhiều biến động cùng với đà phục hồi của nền kinh tế thế giới, kinh tế khu vực và kinh tế Việt Nam sau đại dịch Covid-19 cùng diễn biến phức tạp của tình hình chính trị quốc tế và sự cạnh tranh khốc liệt của các đơn vị cùng ngành nghề, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh rất đáng tự hào, tạo tiền đề cho sự phát triển, tăng trưởng ổn định và bứt phá trong tương lai.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng Công ty phát triển mảng hoạt động sản xuất kinh doanh cảng biển cốt lõi, đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu trên thị trường trong nước và quốc tế.
- Lựa chọn các hạng mục, dự án đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai, từng bước đưa Công ty trở thành Công ty kinh doanh Logistics mang tầm cỡ quốc tế.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các cty khác
1	Ông Bùi Minh Hưng	Chủ tịch	0,03%	TV HĐQT	2
2	Ông Cáp Trọng Cường	Ủy viên	0,02%	TV HĐQT	2
3	Ông Văn Trần Hoàn	Ủy viên	0%	TV HĐQT độc lập	2
4	Ông Nguyễn Đức Dũng	Ủy viên	0%	TV HĐQT	1
5	Ông Tạ Công Thông	Ủy viên	0%	TV HĐQT	3

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Ông Lê Thế Trung là thư ký HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT họp định kỳ, bất thường để đưa ra các chỉ đạo về chiến lược kinh doanh; tổng kết đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh; chỉ đạo, định hướng kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn kế tiếp.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- HĐQT cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty đã đoàn kết, tập trung trí tuệ, đề ra những chủ trương chính sách sát với thực tiễn, chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch SXKD năm 2023 mà ĐHCĐ đã đề ra.
- HĐQT Công ty tổ chức nhiều cuộc họp thường kỳ trực tiếp hoặc bằng hình thức qua thư điện tử để đề ra các các quyết định quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo tuân thủ định hướng của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Năm 2023 và tính đến tháng 03 năm 2024 HĐQT Công ty đã có những cuộc họp quan trọng như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/2023/ NQ-HĐQT	11/01/23	<p>Thống nhất thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Container Việt Nam, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ thực hiện: 1 cổ phiếu – 1 quyền biểu quyết. - Ngày ĐKCC để thực hiện quyền tham dự họp: 6/02/2023. - Thời gian họp: Dự kiến tháng 3/2023. - Địa điểm họp: Sẽ thông báo sau. - Nội dung họp: <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022. + Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022. + Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023. + Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.

			+ Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ thường niên.
2	02/2023/ NQ-HĐQT	03/02/23	<p>1/ Thông qua việc tiếp nhận và chấp thuận Đơn từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Container Việt Nam nhiệm kỳ 2020 – 2025 của Ông Nguyễn Việt Hòa và Ông Nguyễn Việt Trung. Thời điểm từ nhiệm: kể từ ngày được ĐHCĐ Công ty gần nhất thông qua.</p> <p>2/ Việc từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Ông Nguyễn Việt Hòa và Ông Nguyễn Việt Trung sẽ được HĐQT trình ĐHCĐ Công ty gần nhất chấp thuận thông qua theo đúng các quy định hiện hành và Điều lệ Công ty.</p>
3	03/2023/ NQ-HĐQT	28/02/23	<p>1/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, triển khai các biện pháp chiến lược thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023 toàn Công ty.</p> <p>2/ Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.</p> <p>3/ Thông qua việc ký kết hợp đồng quảng cáo và quảng bá thương hiệu năm 2023 của Công ty Cổ phần Container Việt Nam và các Công ty thành viên với Công ty Cổ phần Bông đá Hải phòng, tổng giá trị các hợp đồng là: 9.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ năm trăm triệu đồng). Giao cho Ban điều hành Công ty Cổ phần Container Việt Nam phân bổ số tiền nêu trên cho Công ty, các Công ty thành viên và thực hiện việc triển khai, ký kết các hợp đồng.</p>
4	04/2023/ NQ-HĐQT	10/03/23	<p>1/ Thông qua việc bầu Ông Bùi Minh Hưng đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Container Việt Nam nhiệm kỳ 2020 – 2025 kể từ ngày 10/03/2023.</p> <p>2/ Ông Bùi Minh Hưng có các nhiệm vụ, quyền hạn và được hưởng các chế độ, quyền lợi của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.</p>
5	05/2023/ NQ-HĐQT	10/03/23	<p>1/ Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam đối với Ông Bùi Minh Hưng kể từ ngày 10/03/2023.</p> <p>2/ Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc khai thác Công ty Cổ phần Container Việt Nam đối với Ông Cáp Trọng Cường; đồng thời bổ nhiệm Ông Cáp Trọng Cường giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam kể từ ngày 10/03/2023.</p> <p>3/ Ông Bùi Minh Hưng có trách nhiệm bàn giao toàn bộ công việc, các văn bản, tài liệu, giấy tờ pháp lý liên quan cho Ông Cáp Trọng Cường tiếp nhận theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.</p> <p>4/ Thông qua chủ trương sử dụng đơn vị chuyên nghiệp để tái cấu trúc và chuyển đổi số toàn diện hệ thống quản trị của Công ty Cổ phần Container Việt Nam cùng các Công ty thành viên.</p>
6	06A/2023 /NQ- HĐQT	18/03/23	<p>1/ Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Xí nghiệp cảng Viconship đối với Ông Bùi Minh Hưng và bổ nhiệm bà Trần Thị Phương Anh – hiện là Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Xí</p>

			<p>nghiệp cảng Viconship kể từ ngày 18/03/2023.</p> <p>2/ Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Xí nghiệp cảng Viconship đối với Ông Lê Thế Trung và bổ nhiệm ông Trương Lý Thế Anh – hiện là Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh kiêm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Xí nghiệp cảng Viconship kể từ ngày 18/03/2023.</p>
7	07/2023/ NQ-HĐQT	13/05/23	<p>1/ Thông qua phương án huy động vốn để phục vụ chương trình đầu tư nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết số 04/2022/NĐ-ĐHĐCĐ, với các nội dung chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn huy động vốn: vốn vay trung, dài hạn từ Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt - Mức huy động vốn: huy động vốn dự kiến khoảng 700.000.000.000 VNĐ (Bảy trăm tỷ Việt Nam Đồng) - Tài sản đảm bảo: các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty và các Công ty thành viên, tài sản theo chấp thuận của Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt. <p>2/ Giao Tổng Giám đốc tiến hành thống nhất các nội dung tại phương án huy động vốn với Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt; lựa chọn tài sản bảo đảm; ký kết các Hợp đồng, tài liệu có liên quan; làm việc với các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như thực hiện các thủ tục, hồ sơ cần thiết đúng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty, đảm bảo quyền lợi Công ty.</p>
8	08/2023/ NQ-HĐQT	14/06/23	<p>1/ Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức của Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2023.</p> <p>2/ Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu để thực hiện tăng vốn điều lệ của công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2023.</p> <p>3/ Thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.</p>
9	09/2023/ NQ-HĐQT	14/06/23	<p>Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2023 của Công ty.</p>
10	10/2023/ NQ-HĐQT	26/06/23	<p>1/ Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty Cổ phần Container Việt Nam.</p> <p>2/ Giao cho Tổng Giám đốc Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết và triển khai việc ký kết Hợp đồng kiểm toán theo đúng các quy định hiện hành.</p>
11	11/2023/ NQ-HĐQT	29/06/23	<p>1/ Thông qua phương án tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản như sau:</p> <p>a, Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tỷ lệ thực hiện quyền: 1 cổ phiếu phổ thông - 1 quyền biểu quyết.

			<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày đăng ký cuối cùng: 21/07/2023. ▪ Ngày gửi tài liệu và lấy ý kiến cổ đông (dự kiến): 28/07/2023 ▪ Ngày hết hạn nhận lại phiếu lấy ý kiến (dự kiến): 09/08/2023 <p>b, Địa điểm thực hiện: Phiếu lấy ý kiến gửi lại Công ty được tiếp nhận và kiểm phiếu tại Trụ sở chính Công ty cổ phần Container Việt Nam – số 11 Võ Thị Sáu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng</p> <p>c, Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Container Việt Nam có tên trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản chốt ngày 21/07/2023 có quyền biểu quyết hoặc ủy quyền cho người khác biểu quyết.</p> <p>d, Thông qua vấn đề cần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản như sau:</p> <p>Vấn đề 1: Chính sửa một số nội dung của phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2023;</p> <p>Vấn đề 2: Báo cáo việc sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/03/2021 và xin ĐHHĐCĐ thông qua tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành nêu trên.</p> <p>Vấn đề 3: Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).</p> <p>2/ Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị có liên quan tiến hành các thủ tục lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và thực hiện điều chỉnh hồ sơ, thời gian thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong trường hợp cần thiết.</p>
12	12/2023/ NQ-HĐQT	11/07/23	<p>1/ Thông qua tiến trình thực hiện triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty CP Container Việt Nam như sau:</p> <p>Tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2023, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Container Việt Nam đã thông qua hai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; và - Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. <p>Hội đồng quản trị thông qua tiến trình thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Bước 2: Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, sau khi đã hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. <p>2/ Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chỉ đạo triển</p>

			<p>khai các thủ tục liên quan để hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, bao gồm nhưng không giới hạn: ký ban hành công văn, hồ sơ, giải trình... và thực hiện các công việc cần thiết khác theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện.</p>
13	13/2023/ NQ-HĐQT	26/07/23	<p>1/ Thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại Tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên Chi nhánh: Chi nhánh công ty cổ phần Container Việt Nam tại Tỉnh Quảng Ninh - Mã số thuế: 0200453688-004 - Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam <p>2/ Giao cho Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty và/hoặc người đứng đầu chi nhánh nêu tại Điều 1 tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh Công ty theo quy định của pháp luật.</p>
14	14/2023/ NQ-HĐQT	08/08/23	<p>1/ Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022. Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC – Niêm yết sàn giao dịch HSX) là ngày 22/08/2023.</p> <p>2/ Giao Tổng Giám đốc Công ty CP Container Việt Nam chỉ đạo, thực hiện ký kết tất cả các văn bản, hồ sơ, tài liệu có liên quan theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022.</p>
15	15/2023/ NQ-HĐQT	17/08/23	<p>1/ Sửa đổi bổ sung Điều 2 Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 14/06/2023.</p> <p>2/ Sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 14/06/2023.</p> <p>3/ Hội đồng quản trị giao/ủy quyền Tổng Giám đốc Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đàm phán với bên bán/chuyển nhượng vốn để mua thêm tối đa 44% vốn điều lệ Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ; - Quyết định các nội dung chi tiết và ký kết các thoả thuận, hợp đồng, văn bản, tài liệu cần thiết phát sinh liên quan đến triển khai phương án mua thêm tối đa 44% vốn điều lệ Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ; - Triển khai mọi thủ tục có liên quan để hoàn tất phương án mua thêm tối đa 44% vốn điều lệ Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ; - Căn cứ thời gian triển khai công việc thực tế của Công ty để sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng bổ sung vốn lưu động phù hợp với phương án đã được Hội đồng quản trị thông qua.
16	16/2023/ NQ-HĐQT	17/08/23	<p>Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2023 của Công ty.</p>

17	17/2023/ NQ-HĐQT	21/08/23	<p>1/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 toàn bộ hệ thống Công ty. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2023 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Container Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu: 997,87 tỷ đồng - Lợi nhuận trước thuế: 105,06 tỷ đồng <p>2/ Giao chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh phần đầu thực hiện 6 tháng cuối năm và cả năm 2023 cho từng đơn vị thành viên và toàn bộ hệ thống Công ty.</p> <p>3/ Thông qua chủ trương hợp tác đầu tư với các đối tác tiềm năng để phát triển và đẩy mạnh mảng kinh doanh logistics của Công ty.</p> <p>4/ Đẩy nhanh tiến độ tái cấu trúc và chuyển đổi số toàn diện hệ thống quản trị Công ty Cổ phần Container Việt Nam và các Công ty thành viên.</p> <p>5/ Thông qua việc góp thêm vốn để tăng Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh (là Công ty con do Công ty CP Container Việt Nam sở hữu 100% Vốn điều lệ) từ 15 tỷ đồng lên thành 20 tỷ đồng.</p>
18	18/2023/ NQ-HĐQT	28/08/23	<p>1/ Thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: tối đa 12.126.939 cổ phiếu. 2. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 12.126.245 cổ phiếu. Số cổ phiếu xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ bị huỷ bỏ: 694 cổ phiếu. 3. Ngày kết thúc đợt phát hành: 22/08/2023 4. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 22/08/2023): 133.395.642 cổ phiếu Trong đó: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 133.395.642 cổ phiếu; Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu. 5. Vốn điều lệ sau đợt phát hành: 1.333.956.420.000 đồng. <p>2/ Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty và các bộ phận có liên quan triển khai việc báo cáo kết quả phát hành lên cơ quan quản lý nhà nước, thực hiện các thủ tục để sửa đổi Điều lệ Công ty, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tăng vốn điều lệ theo vốn điều lệ mới.</p>

19	19/2023/ NQ-HĐQT	05/09/23	<p>1/ Thông qua việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh về vốn điều lệ của Công ty như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ): 1.212.693.970.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm mười hai tỷ sáu trăm chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng). - Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ): 1.333.956.420.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn ba trăm ba mươi ba tỷ, chín trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). <p>Hình thức tăng vốn: Công ty phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức. Công ty phát hành thêm 12.126.245 cổ phiếu, mệnh giá: 10.000 đồng/1 cổ phiếu, đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ghi nhận theo Công văn số 5977/UBCK-QLCB ngày 30/8/2023 về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.</p> <p>2/ Thông qua ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Container Việt Nam sửa đổi ghi nhận vốn điều lệ mới sau khi hoàn thành phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.</p>
20	20/2023/ NQ-HĐQT	29/09/23	<p>1/ Sửa đổi bổ sung Điều 2 Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 14/06/2023:</p> <p>Thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2023 của công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2023 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/08/2023.</p> <p>2/ Sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 14/06/2023:</p> <p>Thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.</p> <p>3/ Hội đồng quản trị giao/ủy quyền Tổng Giám đốc Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đàm phán với bên bán/chuyển nhượng vốn để mua thêm tối đa 44% vốn điều lệ Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ; - Quyết định các nội dung chi tiết và ký kết các thoả thuận, hợp đồng, văn bản, tài liệu cần thiết phát sinh liên quan đến triển khai phương án mua thêm tối đa 44% vốn điều lệ Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ; - Triển khai mọi thủ tục có liên quan để hoàn tất phương án mua thêm tối đa 44% vốn điều lệ Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ; - Căn cứ thời gian triển khai công việc thực tế của Công ty để sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng bổ sung vốn lưu động phù hợp với phương án đã được Hội đồng quản trị thông qua.
21	21/2023/ NQ-HĐQT	29/09/23	<p>Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2023 của Công ty.</p>
22	22/2023/ NQ-HĐQT	27/12/23	<p>1/ Thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan trong năm 2024.</p> <p>1.1. Đối tượng ký kết và thực hiện hợp đồng, giao dịch: Các</p>

			<p>công ty trong khối nhóm Viconship và các bên có liên quan khác của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán theo danh sách Người liên quan của Công ty từng thời điểm .</p> <p>1.2. Giá trị hợp đồng, giao dịch: Hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 20% hoặc dưới 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tùy từng trường hợp cụ thể tại thời điểm ký kết hợp đồng, giao dịch đó. Tổng giá trị các giao dịch phát sinh với một trong các đối tượng trên trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>2/ Ủy quyền cho Tổng Giám đốc trong việc triển khai việc đàm phán, ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.</p>
--	--	--	--

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT

- Thành viên HĐQT không điều hành, độc lập vẫn duy trì chế độ họp cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành, độc lập đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.
- Thư ký HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

- Các thành viên HĐQT đều có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát Công ty hiện tại gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Ông Trương Lý Thế Anh	Trưởng ban	0%
2	Bà Ngô Thị Thuỳ Lương	Ủy viên	0 %
3	Bà NghiêM Thị Thuỳ Dương	Ủy viên	0 %

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các qui chế, qui trình, các nghị quyết, quyết định.
- Ban Kiểm soát Công ty tổ chức các cuộc họp với các nội dung chính:
 - + Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023, việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành.
 - + Thực hiện việc giám sát các hoạt động quản lý điều hành Công ty, việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đối với

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.
- + Tham dự các phiên họp của HĐQT, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.
 - + Thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình kinh doanh, sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.
 - Trong năm 2023 Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (VNĐ)
1	Ông Bùi Minh Hưng	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 10/3/2023)	3.931.602.000
2	Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 10/3/2023)	733.854.000
3	Ông Văn Trần Hoàn	TV HĐQT	440.000.000
4	Ông Tạ Công Thông	TV HĐQT Tổng Giám đốc (từ ngày 28/2/2024) Giám đốc Marketing (đến ngày 28/2/2024)	3.087.152.099
5	Ông Cáp Trọng Cường	TV HĐQT Tổng Giám đốc (đến ngày 28/2/2024) Giám đốc khai thác(đến ngày 10/3/2023)	3.668.607.756
6	Ông Nguyễn Đức Dũng	TV HĐQT	2.091.100.000
7	Ông Nguyễn Việt Trung	TV HĐQT (đến ngày 10/3/2023)	840.000.000
8	Ông Dương Tiến Dũng	TV HĐQT (đến ngày 9/9/2022)	315.000.000
9	Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật	2.614.933.107
10	Bà Trương Anh Thư	Giám đốc tài chính (từ ngày 1/3/2024)	-
11	Ông Phan Văn Hưng	Giám đốc tài chính (đến ngày 1/3/2024)	2.316.407.000
12	Ông Phạm Thanh Tuấn	Kế toán trưởng (từ ngày 1/3/2024)	-
13	Ông Lê Thế Trung	Kế toán trưởng (đến ngày 1/3/2024)	3.260.954.000
14	Ông Trương Lý Thế Anh	Trưởng BKS (từ ngày 10/3/2023)	800.651.000
15	Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng BKS (đến ngày 10/3/2023)	189.854.000
16	Bà Ngô Thị Thùy Lương	Thành viên BKS (từ ngày 10/3/2023)	413.913.256
17	Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Thành viên BKS	1.059.263.372
18	Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên BKS (đến ngày 10/3/2023)	326.764.638
Tổng cộng			26.090.056.228

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Tạ Công Thông	TV HĐQT Tổng Giám đốc	-	-	-	-	Mua/ bán 50.000 cp
2	Đặng Thanh Tâm	TV Ban KTNB	11.000	0,01	-	-	Bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành. Công ty thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với

tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

Trần Hồng Kiên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Đặng Thái Sơn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4668-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3726
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.346.116.796.163	1.305.795.538.303
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	370.506.274.358	360.383.344.706
111	Tiền		135.606.274.358	80.590.591.281
112	Các khoản tương đương tiền		234.900.000.000	279.792.753.425
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		425.016.299.943	239.367.439.500
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10(a)	425.016.299.943	239.367.439.500
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		464.364.981.166	560.183.580.705
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	205.263.011.710	188.497.724.901
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	13.578.690.375	8.315.243.630
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	247.560.452.918	364.380.471.256
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4	(2.037.173.837)	(1.009.859.082)
140	Hàng tồn kho		29.065.056.002	28.028.085.828
141	Hàng tồn kho	7	29.065.056.002	28.028.085.828
150	Tài sản ngắn hạn khác		57.164.184.694	117.833.087.564
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	20.161.906.312	43.834.422.724
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(a)	35.389.709.327	72.728.817.007
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(b)	1.612.569.055	1.269.847.833
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		3.844.809.057.925	3.061.014.785.790
210	Các khoản phải thu dài hạn		827.203.931.552	827.194.723.552
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	827.203.931.552	827.194.723.552
220	Tài sản cố định		643.931.552.904	814.375.685.400
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	632.776.216.056	808.495.656.154
222	Nguyên giá		2.556.974.350.993	2.545.081.398.487
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.924.198.134.937)	(1.736.585.742.333)
224	Tài sản cố định thuê tài chính		5.043.501.523	-
225	Nguyên giá		5.187.601.567	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(144.100.044)	-
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	6.111.835.325	5.880.029.246
228	Nguyên giá		22.239.958.750	21.654.078.750
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.128.123.425)	(15.774.049.504)
240	Tài sản dở dang dài hạn		-	11.928.306.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	11.928.306.000
250	Đầu tư tài chính dài hạn		1.470.217.463.204	486.680.522.471
252	Đầu tư vào công ty liên kết	10(b)	1.470.062.463.204	486.525.522.471
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10(c)	155.000.000	155.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		903.456.110.265	920.835.548.367
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	898.439.930.657	916.126.213.608
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		18.611.932	108.305.270
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		428.200.000	428.200.000
269	Lợi thế thương mại	11	4.569.367.676	4.172.829.489
270	TỔNG TÀI SẢN		5.190.925.854.088	4.366.810.324.093

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.896.618.956.700	1.165.609.976.787
310	Nợ ngắn hạn		403.171.566.331	433.716.636.921
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	109.858.794.952	75.774.962.071
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.967.706.530	1.742.927.438
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(c)	29.317.673.914	24.409.235.577
314	Phải trả người lao động	14	55.092.480.977	44.359.416.695
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15(a)	58.870.360.556	18.674.422.598
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	14.271.499.464	55.625.319.941
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17(a)	118.835.910.443	208.400.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	13.957.139.495	4.730.352.601
330	Nợ dài hạn		1.493.447.390.369	731.893.339.866
333	Chi phí phải trả dài hạn	15(b)	8.502.467.705	-
337	Phải trả dài hạn khác		1.607.000.000	30.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17(b)	1.449.749.013.010	700.000.000.000
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19	30.412.872.712	30.858.278.235
342	Dự phòng phải trả dài hạn		3.176.036.942	1.005.061.631
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.294.306.897.388	3.201.200.347.306
410	Vốn chủ sở hữu		3.294.306.897.388	3.201.200.347.306
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	1.333.956.420.000	1.212.693.970.000
411a	- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>1.333.956.420.000</i>	<i>1.212.693.970.000</i>
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	39.403.521.246	39.403.521.246
414	Vốn khác của chủ sở hữu	21	1.382.700.000	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	886.626.243.776	875.542.995.447
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21	-	1.382.700.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	620.034.996.643	664.028.970.953
421a	- <i>LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước</i>		<i>496.411.636.986</i>	<i>546.685.315.357</i>
421b	- <i>LNST chưa phân phối của năm nay</i>		<i>123.623.359.657</i>	<i>117.343.655.596</i>
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	412.903.015.723	408.148.189.660
440	TỔNG NGUỒN VỐN		5.190.925.854.088	4.366.810.324.093

Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập

Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng

Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.180.945.411.694	2.007.397.494.749
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	2.180.945.411.694	2.007.397.494.749
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(1.526.506.042.396)	(1.348.668.597.428)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	654.439.369.298	658.728.897.321
21	Doanh thu hoạt động tài chính	31.124.814.810	34.600.874.362
22	Chi phí tài chính	(172.619.631.145)	(5.019.819.879)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(170.446.855.907)	(1.104.887.671)
24	Phần lỗ trong công ty liên kết	(17.959.975.663)	(19.722.583.786)
25	Chi phí bán hàng	(94.066.467.806)	(79.193.978.606)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(132.883.063.453)	(105.390.698.465)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	268.035.046.041	484.002.690.947
31	Thu nhập khác	3.887.437.970	1.255.173.608
32	Chi phí khác	(6.791.896.532)	(8.345.134.523)
40	Lỗ khác	(2.904.458.562)	(7.089.960.915)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	265.130.587.479	476.912.730.032
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành	(66.464.273.744)	(83.968.553.635)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	355.712.185	194.950.346
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	199.022.025.920	393.139.126.743
	Phân bổ cho:		
61	Cổ đông của Công ty	123.623.359.657	314.293.593.407
62	Cổ đông không kiểm soát	75.398.666.263	78.845.533.336
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	844	2.222
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	844	2.222

Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập

Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng

Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	265.130.587.479	476.912.730.032
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”)	193.367.525.445	201.526.522.056
03	Các khoản dự phòng	3.198.290.066	(139.225.749)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(415.157.851)	(154.840.841)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(13.136.829.741)	(14.146.613.917)
06	Chi phí lãi vay và các chi phí đi vay khác	170.446.855.907	1.104.887.671
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	618.591.271.305	665.103.459.252
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(4.835.515)	15.582.644.924
10	Tăng hàng tồn kho	(1.036.970.174)	(3.143.075.771)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	74.187.947.332	(90.875.177.898)
12	Giảm chi phí trả trước	41.862.850.975	420.820.031
14	Tiền lãi vay và các chi phí đi vay khác đã trả	(2.450.000.000)	-
15	Thuế TNDN đã nộp	(62.414.431.030)	(84.803.675.087)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (*)	(26.299.593.744)	(30.099.887.900)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	642.436.239.149	472.185.107.551
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.376.972.837)	(137.803.313.599)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	464.804.091	1.698.016.484
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(601.185.299.943)	(483.667.439.500)
24	Tiền bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	415.536.439.500	343.318.900.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(998.900.589.799)	(1.622.277.150.154)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	90.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	32.590.197.171	23.749.796.156
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.066.871.421.817)	(1.874.981.190.613)

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	5.436.050.000
33	Tiền thu từ đi vay	886.600.000.000	908.400.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(381.500.000.000)	-
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	(567.950.331)	-
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu bên ngoài Tập đoàn	(70.389.095.200)	(164.405.647.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	434.142.954.469	749.430.403.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	9.707.771.801	(653.365.680.062)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	360.383.344.706	1.013.594.183.927
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	415.157.851	154.840.841
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	370.506.274.358	360.383.344.706

(*) Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh bao gồm chi trả thưởng cho Hội đồng Quản trị và chi quỹ khen thưởng phúc lợi.

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 34.

Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập

Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng

Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002 và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là VSC.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Chi tiết như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Xí nghiệp cảng Viconship
Địa chỉ: Số 1, Đường Ngô Quyền, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Địa chỉ: Số 2F Đường số 4(F), Cư xá Ngân Hàng, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT đề ngày 26 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại Quảng Ninh. Ngày 24 tháng 8 năm 2023, Công ty đã nhận được Thông báo số 18702/23 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 1.193 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.233 nhân viên).

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 7 công ty con nắm giữ trực tiếp, 2 công ty con nắm giữ gián tiếp qua các công ty con khác và 5 công ty liên kết (Thuyết minh 10(b) và Thuyết minh 10(c)) như sau:

	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31/12/2023		31/12/2022	
		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty con trực tiếp					
1) Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Hải Phòng	74%	74%	74%	74%
2) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	Hải Phòng	66%	66%	66%	66%
3) Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Đà Nẵng	65%	65%	65%	65%
4) Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
5) Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
6) Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
7) Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	100%	100%	100%	100%
Công ty con gián tiếp					
1) Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
2) Công ty Cổ phần Container Qui Nhơn	Quy Nhơn, Bình Định	54,6%	65%	54,6%	65%
Công ty liên kết					
1) Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	31%	31%	31%	31%
2) Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng	22%	22%	22%	22%
3) Công ty TNHH Tuyến Container T.S Hà Nội	Hải Phòng	30%	30%	30%	30%
4) Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Hải Phòng	36%	36%	36%	36%
5) Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Hải Phòng	35%	35%	-	-

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty con và ngày kết thúc kỳ kế toán của Công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đưng khụng kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đưng không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đưng không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đưng không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong công ty liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các công ty liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.10 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Tập đoàn thực hiện việc rà soát đối với các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Tập đoàn thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 – 5 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.13 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào tài sản vô hình theo chính sách kế toán số 2.11 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.15 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính, và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.16 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2.18 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc năm tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên, thưởng cho ban quản lý điều hành của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí đi vay vốn.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.28 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Đối với báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, Tập đoàn chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Tập đoàn không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

2.29 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.8 và Thuyết minh 4);
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.11 và Thuyết minh 9); và
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 2.10 và Thuyết minh 10).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền mặt	2.716.321.651	1.920.102.424
Tiền gửi ngân hàng	132.889.952.707	78.670.488.857
Các khoản tương đương tiền (*)	234.900.000.000	279.792.753.425
	370.506.274.358	360.383.344.706

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu dưới hoặc bằng 3 tháng với lãi suất từ 2%/năm đến 4,3%/năm (năm 2022: lãi suất từ 4,8%/năm đến 6%/năm).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	166.806.254.862	160.200.935.462
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Maersk Line A/S	29.370.750.653	25.371.125.977
- Khác (*)	137.435.504.209	134.829.809.485
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	38.456.756.848	28.296.789.439
	<u>205.263.011.710</u>	<u>188.497.724.901</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(2.037.173.837)</u>	<u>(1.009.859.082)</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có bên thứ ba nào khác có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn.

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	13.578.690.375	8.315.243.630
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Thương mại, Vận tải Quốc tế Vitra	6.814.940.000	-
- Khác	6.763.750.375	8.315.243.630
	<u>13.578.690.375</u>	<u>8.315.243.630</u>

6 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Đặt cọc khoản đầu tư:	161.000.000.000	340.000.000.000
Trong đó:		
- Đặt cọc cho các cá nhân (i)	-	40.000.000.000
- Đặt cọc cho Gemadept (ii)	-	300.000.000.000
- Đặt cọc cho Công ty TNHH Đoàn Huy và Công ty TNHH Huy Hoàng để mua cổ phần (iii)	161.000.000.000	-
Phải thu liên quan đến việc điều chỉnh giá chuyển nhượng Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (“Cảng Nam Hải Đình Vũ”) (iv)	45.183.083.604	-
Chi hộ trả hộ (v)	10.834.274.591	7.349.623.692
Tiền gốc đầu tư hợp tác kinh doanh đến hạn được hoàn trả (vi)	10.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	5.717.297.133	4.230.577.696
Phải thu khác	14.825.797.590	12.800.269.868
	247.560.452.918	364.380.471.256

- (i) Khoản đặt cọc với số tiền 40.000.000.000 đồng liên quan đến khoản tiền ứng trước cho các cá nhân để Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh, là công ty con của Tập đoàn, mua cổ phần của một công ty mục tiêu theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐQT đề ngày 31 tháng 10 năm 2022. Công ty con này đã quyết định không tiếp tục mua cổ phần của công ty mục tiêu và đã thu hồi lại toàn bộ số tiền đặt cọc nêu trên vào ngày 21 tháng 7 năm 2023.
- (ii) Số dư 300 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là số tiền mà Công ty đã đặt cọc cho Công ty Cổ phần Gemadept (“Gemadept”) để mua lại một phần vốn góp của Gemadept tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (“Cảng Nam Hải Đình Vũ”). Trong năm 2023, Công ty đã mua lại 35% vốn góp tại đơn vị này, chi tiết khoản đầu tư được trình bày tại thuyết minh 10(b).
- (iii) Số dư 161 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện số tiền Công ty đặt cọc cho Công ty TNHH Thương mại Kim khí Xuất nhập khẩu Huy Hoàng (“công ty TNHH Huy Hoàng”) theo hợp đồng đặt cọc số 02/2023/HĐĐC/HH-VSC đề ngày 6 tháng 4 năm 2023 và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Đoàn Huy (“công ty TNHH Đoàn Huy”) theo hợp đồng đặt cọc số 03/2023/HĐĐC/ĐH-VSC đề ngày 21 tháng 12 năm 2023 để mua phần vốn góp của 2 công ty này tại Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 10(b)).

Theo điều khoản của các hợp đồng đặt cọc nói trên, Công ty được mua đến mức tối đa toàn bộ phần vốn góp của công ty TNHH Đoàn Huy và công ty TNHH Huy Hoàng tại Cảng Nam Hải Đình Vũ với tổng số tỷ lệ phần vốn góp là 64,99%. Thời hạn hiệu lực của số tiền đặt cọc là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng đặt cọc. Giá chuyển nhượng sẽ được các bên thương thảo, căn cứ vào các điều kiện đã được thống nhất trong các hợp đồng đặt cọc và phụ lục hợp đồng nêu trên.

6 PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)
(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

- (iv) Số dư 45.183.083.604 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty đã thực trả cho Bên chuyển nhượng là 1.050.000.000.000 Đồng và giá trị chuyển nhượng sau điều chỉnh thể hiện trên hóa đơn của Bên chuyển nhượng phát hành cho Công ty là 1.004.816.916.396 Đồng, liên quan tới khoản đầu tư 35% của Công ty vào Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 10(b)).
- (v) Khoản thu hộ trả hộ chủ yếu gồm tiền thanh toán hộ hãng tàu cho Hải quan của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh liên quan đến hoạt động kiểm hóa, hoa tiêu và cảng vụ của hãng tàu. Khoản tiền này sẽ được trả lại bởi hãng tàu khi hãng tàu nhận được hàng.
- (vi) Đây là số tiền góp vốn gốc của Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh, công ty con của Tập đoàn, sẽ được hoàn trả trong năm 2024 liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh và đầu tư cho dự án khách sạn Hyatt Place Hải Phòng (Thuyết minh 6(b)).

(b) Dài hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Hợp đồng hợp tác kinh doanh và đầu tư (*)	813.600.000.000	823.600.000.000
Phải thu khác	13.603.931.552	3.594.723.552
	<u>827.203.931.552</u>	<u>827.194.723.552</u>

(*) Số dư liên quan đến hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh (“Hợp đồng HTKD”) đề ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn T&D Group (“T&D Group”) và Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh, là các công ty con của Tập đoàn để thực hiện việc hợp tác đầu tư, triển khai kinh doanh dự án khách sạn Hyatt Place Hải Phòng theo Quyết định Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư số 1045/QĐ-UBND ban hành bởi Ủy Ban Nhân Dân Hải Phòng đề ngày 4 tháng 4 năm 2022. Dự án khách sạn này đã khởi công và dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động từ năm 2024.

Tổng vốn đầu tư của toàn bộ dự án là 1.423.600.000.000 Đồng, trong đó các công ty con của Công ty góp 823,6 tỷ Đồng (mỗi công ty thực góp 411,8 tỷ Đồng) và T&D Group góp 600 tỷ Đồng. Tiền góp vốn gốc của các công ty con được chuyển cho T&D Group để thực hiện dự án đầu tư và được hoàn trả bởi T&D Group từ năm 2024 trở đi, cụ thể như sau:

- Từ năm 2024: thanh toán tối thiểu 5 tỷ Đồng/năm
- Từ năm 2028: thanh toán tối thiểu 15 tỷ Đồng/năm
- Từ năm 2035: thanh toán tối thiểu 34,25 tỷ Đồng/năm

Khoản tiền góp vốn vào Hợp đồng HTKD của hai công ty con này được phân loại vào phải thu dài hạn đến hạn trả và phải thu dài hạn căn cứ vào thời gian thu hồi số tiền góp vốn gốc của Công ty con tính từ ngày bằng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngoài ra, mỗi công ty con được hưởng việc phân chia lợi nhuận hàng năm tương ứng với 45% dòng tiền từ lợi nhuận sau thuế và khấu hao của dự án từ T&D Group cho giai đoạn 8 năm đầu tiên. Các năm còn lại lợi nhuận sẽ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn ban đầu cho tới khi T&D hoàn trả hết toàn bộ phần vốn đã đầu tư của các công ty con như đã nêu trên.

7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	3.078.477.109	-	1.213.108.434	-
Công cụ, dụng cụ	25.921.243.401	-	26.814.977.394	-
Hàng hóa	65.335.492	-	-	-
	<u>29.065.056.002</u>	<u>-</u>	<u>28.028.085.828</u>	<u>-</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC
(a) Ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Công cụ, dụng cụ	8.219.107.359	6.759.652.883
Chi phí thuê đất	3.338.181.816	3.338.181.816
Chi phí bảo hiểm trả trước	1.764.070.849	4.779.110.666
Chi phí sửa chữa (*)	-	24.706.892.981
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.840.546.288	4.250.584.378
	<u>20.161.906.312</u>	<u>43.834.422.724</u>

(*) Chi phí sửa chữa chủ yếu liên quan tới chi phí sửa chữa cần cầu, nạo vét duy tu khu nước trước bến và vũng quay tàu của Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP – Công ty con của Công ty, được phân bổ trong vòng một năm.

(b) Dài hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí cơ sở hạ tầng trả trước (*)	684.529.342.852	703.652.363.924
Chi phí đất trả trước (**)	188.313.611.064	194.916.424.912
Chi phí thiết kế và sửa chữa văn phòng	10.721.912.362	-
Công cụ, dụng cụ	9.614.517.983	9.513.578.972
Chi phí sửa chữa	2.827.853.696	2.139.623.290
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.432.692.700	5.904.222.510
	<u>898.439.930.657</u>	<u>916.126.213.608</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(*) Chi phí cơ sở hạ tầng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê bao gồm:

- Tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng của Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 11 năm 2014 đến ngày 16 tháng 10 năm 2052 theo Hợp đồng đề ngày 5 tháng 11 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP – công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO.
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Thành phố Hải Phòng của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 10 năm 2015 và từ ngày 2 tháng 4 năm 2016 đến ngày 23 tháng 6 năm 2058 theo các hợp đồng thuê đất đề ngày 12 tháng 10 năm 2015 và ngày 2 tháng 4 năm 2016 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, quyền sử dụng đất và quyền tài sản của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17(***) (i)). Tổng nguyên giá của các tài sản này là 434.546.208.000 Đồng.

(**) Số dư thể hiện tiền thuê đất đã trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê bao gồm:

- Tiền thuê lô đất CC2 tại Khu Công nghiệp Minh Phương, Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2057 theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTĐ-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Minh Phương.
- Tiền thuê hai lô đất CN3.2G và CN3.2I tại Khu Công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 6 năm 2012 và từ ngày 20 tháng 12 năm 2012 đến ngày 2 tháng 4 năm 2047 theo hai Hợp đồng thuê lại đất số DVIZJSC.009.2012.LLC.MKG đề ngày 12 tháng 6 năm 2012 và số DVIZJSC.035.2012.LLC.MKG đề ngày 20 tháng 12 năm 2012 ký giữa Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh – công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, quyền sử dụng đất và quyền tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17(***) (i)). Tổng nguyên giá của các tài sản này là 12.119.813.200 Đồng.

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	916.126.213.608	501.802.196.160
Tăng trong năm	28.877.598.539	16.659.012.203
Tăng do hợp nhất trong năm (*)	-	434.546.208.000
Phân bổ trong năm	(46.563.881.490)	(36.881.202.755)
Số dư cuối năm	<u>898.439.930.657</u>	<u>916.126.213.608</u>

(*) Tăng do hợp nhất trong năm 2022 thể hiện phần giá trị hợp lý của khoản chi phí cơ sở hạ tầng trả trước liên quan đến 184.992 m² đất của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (“ICD Quảng Bình”) phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Mẫu số B 09 – DN/HN
9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	952.119.888.214	94.593.530.586	1.479.557.575.233	18.810.404.454	2.545.081.398.487
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (*)	349.730.000	-	16.881.217.818	-	17.230.947.818
Mua trong năm (*)	-	239.348.195	-	84.090.909	323.439.104
Thanh lý, nhượng bán	-	(208.968.000)	(5.191.113.886)	(261.352.530)	(5.661.434.416)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	952.469.618.214	94.623.910.781	1.491.247.679.165	18.633.142.833	2.556.974.350.993
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(565.384.704.050)	(75.386.926.506)	(1.079.159.689.615)	(16.654.422.162)	(1.736.585.742.333)
Khấu hao trong năm	(55.820.642.272)	(5.149.379.124)	(130.975.388.154)	(1.068.041.974)	(193.013.451.524)
Thanh lý, nhượng bán	-	208.968.000	4.930.738.390	261.352.530	5.401.058.920
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	(621.205.346.322)	(80.327.337.630)	(1.205.204.339.379)	(17.461.111.606)	(1.924.198.134.937)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	386.735.184.164	19.206.604.080	400.397.885.618	2.155.982.292	808.495.656.154
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	331.264.271.892	14.296.573.151	286.043.339.786	1.172.031.227	632.776.216.056

(*) Tài sản cố định hữu hình tăng mới trong năm chủ yếu liên quan đến các phương tiện vận tải bao gồm xe ô tô, xe nâng và xe đầu kéo.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.017.940.134.004 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 573.744.799.162 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc của Tập đoàn đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17(***) (i)). Tổng nguyên giá của các tài sản này là 79.307.171.683 Đồng.

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)
(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	5.417.853.001	16.236.225.749	21.654.078.750
Mua trong năm	-	585.880.000	585.880.000
	<u>5.417.853.001</u>	<u>16.822.105.749</u>	<u>22.239.958.750</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.417.853.001	16.822.105.749	22.239.958.750
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	(15.774.049.504)	(15.774.049.504)
Khấu hao trong năm	-	(354.073.921)	(354.073.921)
	<u>-</u>	<u>(16.128.123.425)</u>	<u>(16.128.123.425)</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	(16.128.123.425)	(16.128.123.425)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	5.417.853.001	462.176.245	5.880.029.246
	<u>5.417.853.001</u>	<u>462.176.245</u>	<u>5.880.029.246</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.417.853.001	693.982.324	6.111.835.325
	<u><u>5.417.853.001</u></u>	<u><u>693.982.324</u></u>	<u><u>6.111.835.325</u></u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 15.873.315.749 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 13.617.933.290 Đồng).

Mẫu số B 09 – DN/HN
10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023			31/12/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	425.016.299.943	425.016.299.943	-	367.439.500	239.367.439.500	-

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm kế toán và hưởng lãi suất từ 4% đến 7,9%/năm (tại ngày 31/12/2022: từ 5,2% đến 9,9%/năm).

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2023			31/12/2022		
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (***) VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (***) VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	16.645.506.702	39.960.000.000	-	17.630.158.454	24.242.400.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	93.417.959.832	70.561.600.000	-	91.503.098.817	61.741.400.000	-
Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội	4.581.186.174	(***)	-	4.581.186.174	(***)	-
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	357.408.811.200	(***)	-	372.811.079.026	(***)	-
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	998.008.999.296	(***)	-	-	-	-
	1.470.062.463.204	(***)	-	486.525.522.471	(***)	-

10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(b) Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng VND	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ VND	Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội VND	Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ VND	Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 1 tháng 1 năm 2023	17.630.158.454	91.503.098.817	4.581.186.174	372.811.079.026	-	486.525.522.471
Tăng do đầu tư trong năm (**)	-	-	-	-	1.004.816.916.396	1.004.816.916.396
Chia sẻ lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	2.335.348.248	1.914.861.015	-	(15.402.267.826)	(6.807.917.100)	(17.959.975.663)
Cổ tức đã nhận	(3.320.000.000)	-	-	-	-	(3.320.000.000)
Số dư tại 31 tháng 12 năm 2023	<u>16.645.506.702</u>	<u>93.417.959.832</u>	<u>4.581.186.174</u>	<u>357.408.811.200</u>	<u>998.008.999.296</u>	<u>1.470.062.463.204</u>

(**) Trong năm 2023, Công ty và hai công ty khác là công ty Đoàn Huy và công ty Huy Hoàng đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp để mua toàn bộ Cảng Nam Hải Đình Vũ từ Công ty Cổ phần Gemadept và các chủ sở hữu là các cá nhân. Giá trị chuyển nhượng sau điều chỉnh thể hiện trên hóa đơn của Bên chuyển nhượng phát hành cho Công ty là 1.004.816.916.396 Đồng, tương ứng với 35% tỷ lệ cổ phần của Công ty tại Cảng Nam Hải Đình Vũ. Giá trị chuyển nhượng cổ phần được tham khảo từ giá trị doanh nghiệp theo biên bản định giá của một công ty định giá độc lập.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản đầu tư vào công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của công ty mẹ (Thuyết minh 17).

10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023			31/12/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (***) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (***) VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MSC Việt Nam	155.000.000	(***)	-	155.000.000	(***)	-

(***) Thuyết minh giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn trên báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với các đơn vị đầu tư là các công ty có cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”), giá trị hợp lý được tính dựa trên giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày kết thúc kỳ báo cáo hợp nhất.
- Đối với các khoản đầu tư còn lại, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

**Công ty Cổ phần
Cảng cạn Quảng Bình
VND**

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	4.394.353.039
Tăng sau quyết toán giá trị chuyển nhượng	900.589.799

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.294.942.838
-------------------------------	---------------

Giá trị khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(221.523.550)
Khấu hao trong năm	(504.051.612)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	(725.575.162)
-------------------------------	---------------

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	4.172.829.489
-----------------------------	---------------

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.569.367.676
-------------------------------	---------------

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	88.911.486.929	73.191.861.351
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Xây dựng Chấn Nam	14.458.563.712	-
- Khác (*)	74.452.923.217	73.191.861.351
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	20.947.308.023	2.583.100.720
	109.858.794.952	75.774.962.071

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có bên thứ ba nào khác có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải trả ngắn hạn.

Mẫu số B 09 – DN/HN
13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2023 VND	Số phát sinh tăng trong năm VND	Số thực thu trong năm (*) VND	Cần trừ VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
(a) Thuế GTGT được khấu trừ						
Thuế GTGT được khấu trừ	72.728.817.007	117.395.601.662	(24.996.007.100)	(129.738.702.242)	-	35.389.709.327
(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước						
Thuế thu nhập cá nhân	26.533.591	-	-	-	64.402.229	90.935.820
Thuế TNDN	1.238.620.241	-	-	-	283.012.994	1.521.633.235
Thuế khác	4.694.001	-	-	(4.694.001)	-	-
	1.269.847.833	-	-	(4.694.001)	347.415.223	1.612.569.055
(c) Phải nộp						
Thuế GTGT đầu ra	2.036.390.448	166.938.458.794	(35.297.699.838)	(129.738.702.242)	-	3.938.447.162
Thuế thu nhập cá nhân	4.710.997.493	13.132.302.939	(14.523.750.590)	-	64.402.229	3.383.952.071
Thuế TNDN	17.661.847.636	66.464.273.744	(62.414.431.030)	-	283.012.994	21.994.703.344
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác	-	9.108.285.403	(9.103.020.065)	(4.694.001)	-	571.337
	24.409.235.577	255.643.320.880	(121.338.901.523)	(129.743.396.243)	347.415.223	29.317.673.914

(*) Thực thu trong năm liên quan đến số tiền thuế GTGT hoàn trả cho Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, công ty con của Tập đoàn với tổng số tiền là 24.996.007.100 Đồng, căn cứ theo Quyết định 1273/QĐ-CTHPH-KDT đề ngày 29 tháng 8 năm 2023, Cục thuế Thành phố Hải Phòng quyết định.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Chi phí lương phải trả	27.295.972.188	20.461.886.829
Chi phí thưởng phải trả (*)	27.796.508.789	23.897.529.866
	<u>55.092.480.977</u>	<u>44.359.416.695</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các công ty trong Tập đoàn trích thưởng dựa trên các quy định của thỏa ước lao động tập thể.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ
(a) Ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Chi phí thưởng năng suất cho nhân viên dự trả (*)	37.618.458.497	11.330.793.775
Chi phí hoa hồng	7.763.454.399	2.088.721.330
Chi phí bồi thường bảo hiểm (**)	5.000.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	5.793.967.601	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.694.480.059	5.254.907.493
	<u>58.870.360.556</u>	<u>18.674.422.598</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các công ty trong Tập đoàn chưa ban hành quyết định thưởng năng suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Do đó, khoản thưởng năng suất được ước tính cho năm 2023 và ghi nhận vào chi phí phải trả ngắn hạn.

(**) Trong năm, một công ty con của Tập đoàn, đã gây ra tổn thất trong quá trình bốc xếp. Tại ngày của báo cáo tài chính, chi phí bồi thường tổn thất ước tính là 5.000.000.000 đồng (Thuyết minh 31).

(b) Dài hạn

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả (*)	<u>8.502.467.705</u>	<u>-</u>

(*) Khoản lãi vay phát sinh từ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 0097-2023-HĐTĐ1-BVB021 đề ngày 15 tháng 5 năm 2023. Theo đó, lãi vay được ân hạn trong vòng 21 tháng kể từ thời điểm giải ngân khoản vay và sẽ được nhập gốc trong năm 2024 và thanh toán theo các điều khoản của khoản nợ gốc trong hợp đồng vay (Thuyết minh 17(***)(ii)).

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phải trả liên quan đến đầu tư vào công ty con (*)	-	37.000.000.000
Khác	14.271.499.464	18.625.319.941
	<u>14.271.499.464</u>	<u>55.625.319.941</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư thể hiện khoản phải trả của Công ty liên quan tới việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình. Khoản phải trả này đã được thanh toán thành hai lần vào các ngày 17 tháng 5 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2023 sau khi các thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất.

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Biến động của khoản vay trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2023 VND	Tăng trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	Lãi nhập gốc VND (Thuyết minh 34)	Nợ ngắn hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
(a) Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (*)	36.600.000.000	36.600.000.000	(73.200.000.000)	-	5.163.395.096	5.163.395.096
Vay bên thứ ba	171.800.000.000	150.000.000.000	(211.800.000.000)	2.685.573.439	-	112.685.573.439
<i>Trong đó:</i>						
- Vay từ Đoàn Huy	171.800.000.000	-	(171.800.000.000)	-	-	-
- Vay từ Gemadept (**)	-	150.000.000.000	(40.000.000.000)	2.685.573.439	-	112.685.573.439
Thuê tài chính (****)	-	-	-	-	986.941.908	986.941.908
	<u>208.400.000.000</u>	<u>186.600.000.000</u>	<u>(285.000.000.000)</u>	<u>2.685.573.439</u>	<u>6.150.337.004</u>	<u>118.835.910.443</u>
(b) Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (***)	700.000.000.000	700.000.000.000	(96.500.000.000)	147.718.205.479	(5.163.395.096)	1.446.054.810.383
<i>Trong đó:</i>						
-Khoản vay của công ty con (i)	700.000.000.000	-	(96.500.000.000)	98.104.506.849	(5.163.395.096)	696.441.111.753
-Khoản vay của công ty mẹ (ii)	-	700.000.000.000	-	49.613.698.630	-	749.613.698.630
Thuê tài chính (****)	-	5.249.094.866	(567.950.331)	-	(986.941.908)	3.694.202.627
	<u>700.000.000.000</u>	<u>705.249.094.866</u>	<u>(97.067.950.331)</u>	<u>147.718.205.479</u>	<u>(6.150.337.004)</u>	<u>1.449.749.013.010</u>

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (*) Số dư khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn với ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện các khoản vay như sau:

Khoản vay dài hạn đến hạn trả với số tiền là 5.163.395.096 Đồng của Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và Công ty TNHH MTV Cảng Xanh – công ty con của Tập đoàn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt theo các kế ước nhận nợ số 1183.03-2023-KUNN1-BVB201 đề ngày 26 tháng 6 năm 2023 và số 1183.03-2023-KUNN1-BVB201 đề ngày 25 tháng 12 năm 2023 và hợp đồng tín dụng số 1182-2022-HĐTD1-BVB021 và hợp đồng số 1183-2022-HĐTD1-BVB021 tương ứng, cùng các phụ lục đi kèm đề ngày 28 tháng 12 năm 2022 (Thuyết minh 17(***)).

- (**) Số dư khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn từ bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện các khoản vay như sau:

Khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo từ Công ty Cổ phần Gemadep (“Gemadep”) theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/GMD-VSC đề ngày 29 tháng 5 năm 2023. Thời hạn vay của khoản vay là 1 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay là ngày 30 tháng 5 năm 2023. Khoản vay có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các bên và thời gian gia hạn mỗi lần là một tháng và tổng thời gian gia hạn tối đa là hai tháng kể từ ngày đến hạn đầu tiên. Đây là khoản tiền Công ty vay để thanh toán cho việc mua phần vốn góp tại Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 10(b)). Lãi vay áp dụng cho khoản vay trong thời hạn vay vốn là 7,5%/năm. Lãi vay và gốc vay được trả một lần vào cuối kỳ. Đến ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản vay này đã đến hạn thanh toán nhưng Gemadep chưa gửi yêu cầu thanh toán do Công ty và Gemadep vẫn đang trong quá trình trao đổi để gia hạn khoản vay này.

- (***) Số dư khoản vay dài hạn của Tập đoàn với ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện các vay như sau:

- (i) Khoản vay và lãi vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng của Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và Công ty TNHH MTV Cảng Xanh, các công ty con của Tập đoàn, với tổng số tiền gốc ban đầu là 700.000.000.000 Đồng theo hợp đồng tín dụng tương ứng số 1182-2022-HĐTD1-BVB021 và hợp đồng số 1183-2022-HĐTD1-BVB021 đề ngày 28 tháng 12 năm 2022. Đồng thời, căn cứ các kế ước nhận nợ số 1183.03-2023-KUNN1-BVB201 đề ngày 26 tháng 6 năm 2023 và số 1183.03-2023-KUNN1-BVB201 đề ngày 25 tháng 12 năm 2023 của từng công ty con, số tiền lãi vay được ân hạn đã được nhập vào gốc vay là 104.077.641.603 Đồng. Thời hạn vay của khoản vay là 240 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay. Mục đích của khoản vay để góp vốn thực hiện Dự án Khách sạn Hyatt Place Hải Phòng (Thuyết minh 6(b)).

Lãi suất cho vay được quy định theo từng thời kỳ theo quy định của ngân hàng. Gốc vay được ân hạn 12 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên và kỳ trả gốc đầu tiên là tháng thứ 15 từ ngày giải ngân. Lãi vay được ân hạn 12 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên và sẽ nhập gốc trong thời gian ân hạn vào tháng thứ 6 và tháng thứ 12 kể từ ngày giải ngân. Sau thời gian ân hạn lãi, lãi vay được trả định kỳ hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã phân loại lại số dư vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày bằng cân đối kế toán là 5.163.395.096 đồng.

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(***) Số dư khoản vay dài hạn của Tập đoàn với ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện các vay như sau: (tiếp theo)

(ii) Khoản vay và lãi vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng của Công ty với số tiền là 700.000.000.000 Đồng theo hợp đồng tín dụng số 0097-2023-HĐTD1-BVB021 đề ngày 15 tháng 5 năm 2023. Thời hạn vay của khoản vay là 180 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay. Mục đích của khoản vay là thanh toán tiền mua phần vốn góp tại Cảng Nam Hải Đình Vũ theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số GMD/VSC/SPA ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Gemadept và các phụ lục khác kèm theo.

Theo khế ước nhận nợ số 0097.01-2023-KUNN1-BVB021 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng đề ngày 15 tháng 5 năm 2023, gốc vay của khoản vay được ân hạn trong vòng 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó Công ty sẽ phải hoàn trả gốc trong 53 phân kỳ, mỗi phân kỳ là 3 tháng/lần. 52 phân kỳ đầu tiên trả 13,2 tỷ đồng và phân kỳ cuối cùng trả 13,6 tỷ đồng.

Cũng theo khế ước nhận nợ này, lãi vay của khoản vay là 14%/năm cho 6 tháng đầu tiên sau đó được điều chỉnh bằng lãi vay cơ sở bằng VND dành cho khách hàng doanh nghiệp kỳ hạn 13 tháng theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + 4%/năm. Lãi vay được ân hạn trong vòng 21 tháng kể từ ngày giải ngân và sẽ nhập gốc trong thời gian ân hạn vào tháng thứ 6, 12, 18, 21 kể từ ngày giải ngân. Sau thời gian ân hạn lãi, lãi vay được trả hàng tháng vào ngày 25 trong suốt thời gian còn lại của khoản vay.

Căn cứ khế ước nhận nợ số 0097.02-2023-KUNN1-BVB021 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng đề ngày 25 tháng 11 năm 2023, số tiền lãi vay được ân hạn đã được nhập vào gốc vay là 49.613.698.630 Đồng.

Tập đoàn đã sử dụng các tài sản sau để thế chấp cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh Hải Phòng như sau:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền tài sản của Công ty Cổ phần Container Việt Nam đang được Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh và Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Cảng Xanh sử dụng (Thuyết minh 9(a));
- Phần vốn góp của Công ty tại Công ty CP Cảng Xanh VIP, Công ty TNHH Một Thành Viên Trung tâm Logistics Xanh, và Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Cảng Xanh;
- Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền tài sản trên đất của các công ty con trong Tập đoàn:
 - Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ và (Thuyết minh 8(b) và 9(a))
 - Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh (Thuyết minh 8(b));
- 100% cổ phần/chứng khoán chưa lưu ký của các công ty con trong Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ;
- Quyền khai thác cảng biển của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh; và
- Quyền tài sản và phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 10(b)).

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(****) Chi tiết số dư khoản nợ thuê tài chính của Tập đoàn với bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện như sau:

	31/12/2023			31/12/2022		
	Tổng nợ thuê tài chính VND	Chi phí lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng nợ thuê tài chính VND	Chi phí lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Dưới 1 năm	986.941.908	-	986.941.908	-	-	-
Từ 1 đến 5 năm	3.694.202.627	-	3.694.202.627	-	-	-
	<u>4.681.144.535</u>	<u>-</u>	<u>4.681.144.535</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 liên quan tới tài sản cố định thuê tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh – công ty con của Tập đoàn theo hợp đồng thuê số B230817101 đề ngày 7 tháng 9 năm 2023 với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease. Theo đó, công ty con thuê 3 xe đầu kéo với thời hạn thuê là 60 tháng.

Mẫu số B 09 – DN/HN
18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	4.730.352.601	5.733.190.501
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	28.000.000.000	23.000.000.000
Sử dụng trong năm	(18.773.213.106)	(24.002.837.900)
Số dư cuối năm	<u>13.957.139.495</u>	<u>4.730.352.601</u>

19 THUẾ TNDN HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả sau 12 tháng (*)	<u>30.412.872.712</u>	<u>30.858.278.235</u>

(*) Chi tiết thuế TNDN hoãn lại phải trả như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế:		
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	<u>152.064.363.560</u>	<u>154.291.391.175</u>
Tính ở thuế suất 20%:		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả sau 12 tháng	<u>30.412.872.712</u>	<u>30.858.278.235</u>

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU
(a) Số lượng cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu phổ thông	31/12/2022 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	<u>133.395.642</u>	<u>121.269.397</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>133.395.642</u>	<u>121.269.397</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>133.395.642</u>	<u>121.269.397</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

(b) Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

Cổ đông của Công ty là các cổ đông tổ chức và cá nhân. Mỗi một cổ đông tổ chức và cá nhân đều sở hữu dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Mẫu số B 09 – DN/HN

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu (***) VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	551.227.980.000	36.141.891.246	-	826.088.451.117	-	659.965.436.905	373.650.548.295	2.447.074.307.563
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	314.293.593.407	78.845.533.336	393.139.126.743
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	49.454.544.330	-	(49.454.544.330)	-	-
Trích lập Quỹ khác	-	-	-	-	1.382.700.000	(1.382.700.000)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.000.000.000)	-	(23.000.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(5.345.000.000)	-	(5.345.000.000)
Góp vốn bằng tiền	551.227.980.000	3.261.630.000	-	-	-	-	-	554.489.610.000
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(43.136.250.000)	(43.136.250.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021	110.238.010.000	-	-	-	-	(110.238.010.000)	-	-
Tạm ứng cổ tức năm 2022	-	-	-	-	-	(121.269.397.000)	-	(121.269.397.000)
Khác	-	-	-	-	-	459.591.971	(1.211.641.971)	(752.050.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.212.693.970.000	39.403.521.246	-	875.542.995.447	1.382.700.000	664.028.970.953	408.148.189.660	3.201.200.347.306
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	11.083.248.329	-	(11.083.248.329)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) (*)	-	-	-	-	-	(28.000.000.000)	-	(28.000.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	-	(7.271.635.638)	-	(7.271.635.638)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022 (**)	121.262.450.000	-	-	-	-	(121.262.450.000)	-	-
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát (***)	-	-	-	-	-	-	(54.164.095.200)	(54.164.095.200)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	123.623.359.657	75.398.666.263	199.022.025.920
Ứng trước cổ tức năm nay cho cổ đông không kiểm soát (****)	-	-	-	-	-	-	(16.225.000.000)	(16.225.000.000)
Khác	-	-	1.382.700.000	-	(1.382.700.000)	-	(254.745.000)	(254.745.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.333.956.420.000	39.403.521.246	1.382.700.000	886.626.243.776	-	620.034.996.643	412.903.015.723	3.294.306.897.388

(*) Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 3 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức (đã thực hiện trong năm 2022) và việc chia cổ tức bằng cổ phiếu (thực hiện trong năm 2023) từ nguồn lợi nhuận của năm 2022, đồng thời, trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(**) Ngày 14 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT đưa ra phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới), trong đó, ngày đăng ký cuối cùng của các cổ đông là ngày 22 tháng 8 năm 2023.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐQT thông qua kết quả phát hành 12.126.245 cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty, nâng tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành lên 133.395.642 cổ phiếu, đồng thời thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.333.956.420.000 Đồng. Cũng trong ngày này, Công ty đã thực hiện báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đến UBCK và được UBCK chấp thuận phát hành thành công qua Công văn số 5977/UBCK-QLCB đề ngày 30 tháng 8 năm 2023.

Sau đó, ngày 7 tháng 9 năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng đã cấp giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 25, trong đó điều chỉnh tăng vốn chủ sở hữu lên 1.333.956.420.000 Đồng.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 3 tháng 3 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2023/NQ-HĐQT đề ngày 13 tháng 3 năm 2023, Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP – Công ty con, đã phân phối 189.750.000.000 Đồng Việt Nam từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 để trả cổ tức cho các cổ đông, trong đó, phần cổ tức trả cho Công ty là 141.075.000.000 Đồng Việt Nam và cho các cổ đông không kiểm soát là 48.675.000.000 Đồng Việt Nam.

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 7 tháng 4 năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh phân phối 12.120.000.000 Đồng từ LNST chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 để trả cổ tức cho các cổ đông, trong đó, phần cổ tức trả cho Công ty là 8.040.000.000 Đồng Việt Nam và cho các cổ đông không kiểm soát là 4.080.000.000 Đồng Việt Nam.

Căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2023/NQ-HĐQT đề ngày 12 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Container Miền Trung phân phối 4.025.995.200 Đồng từ LNST chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 để trả cổ tức cho các cổ đông, trong đó, phần cổ tức trả cho Công ty là 2.616.900.000 Đồng Việt Nam và cho các cổ đông không kiểm soát là 1.409.095.200 Đồng Việt Nam.

(****) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 3 tháng 3 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2023/NQ-HĐQT đề ngày 16 tháng 5 năm 2023, Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP – Công ty con, đã tạm ứng 63.250.000.000 Đồng Việt Nam từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 để trả cổ tức cho các cổ đông, trong đó, phần cổ tức tạm ứng cho Công ty là 47.025.000.000 Đồng Việt Nam và cho các cổ đông không kiểm soát là 16.225.000.000 Đồng Việt Nam.

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(*****) Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 3 năm 2023, Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT đề ngày 14 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐQT đề ngày 13 tháng 7 năm 2023, và Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 8 năm 2023, Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với tỷ lệ 1:1. Tổng số tiền dự kiến thu được từ việc phát hành này là 1.333.963.360.000 đồng. Mục đích của đợt chào bán là nhận chuyển nhượng thêm tối đa 44% vốn điều lệ của Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (“Công ty Mục tiêu”) từ các thành viên góp vốn hiện hữu của Công ty Mục tiêu trong năm 2024 với tổng số tiền 1.320.000.000.000, phần còn lại được bổ sung vào vốn lưu động. Thời gian dự kiến chào bán là trong năm 2024.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Công ty đã nhận được chấp thuận của Ủy ban chứng khoán về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 443/GCN-UBCK. Thời gian chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực (Thuyết minh 40).

22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU
(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thường phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2023	2022 (*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	123.623.359.657	314.293.593.407
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(11.013.441.390)	(28.000.000.000)
	<u>112.609.918.267</u>	<u>286.293.593.407</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>133.395.642</u>	<u>128.461.830</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>844</u>	<u>2.222</u>

22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)
(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền là 11.013.441.390. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Tập đoàn được tính toán dựa trên ước tính này. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức năm 2024 và có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được tính lại theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh lại	Số liệu tính toán lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	314.293.593.407	-	314.293.593.407
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(28.000.000.000)	-	(28.000.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	286.293.593.407	-	286.293.593.407
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	116.784.091	12.043.207	128.827.298
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	2.451	(229)	2.222

(**) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho tất cả các kỳ báo cáo sẽ được điều chỉnh hồi tố nếu số lượng cổ phiếu phổ thông hoặc cổ phiếu phổ thông tiềm năng đang lưu hành tăng lên do vốn hoá, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu. Nếu những thay đổi đó xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng trước ngày phát hành báo cáo tài chính, số liệu được tính trên mỗi cổ phiếu của kỳ báo cáo hiện tại và mỗi kỳ báo cáo trước đó trên báo cáo tài chính được tính lại dựa trên số lượng cổ phiếu mới.

Do đó, số lượng cổ phiếu để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và số liệu so sánh của năm tài chính 2022 được xác định bằng tổng của:

- Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ;
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT đề ngày 14 tháng 6 năm 2023 và được UBCKNN chấp thuận phát hành thành công qua Công văn số 5166/UBCK-QLCB đề ngày 3 tháng 8 năm 2023 với giả định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2022.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Mẫu số B 09 – DN/HN
23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 2.028.803,680 Đô la Mỹ, tương ứng với 48.853.603.450 Đồng và 7,67 Euro, tương ứng với 191.251 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 303.873,28 Đô la Mỹ, tương ứng với 7.113.673.485 Đồng và 7,67 Euro, tương ứng 189.587 Đồng).

24 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu về cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bốc dỡ container	1.048.833.291.855	974.514.896.630
Doanh thu lưu bãi, chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	270.288.395.868	246.308.394.828
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	339.470.619.876	358.469.461.517
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	522.353.104.095	428.104.741.774
	<u>2.180.945.411.694</u>	<u>2.007.397.494.749</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	<u><u>2.180.945.411.694</u></u>	<u><u>2.007.397.494.749</u></u>

25 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	282.681.808.953	247.812.527.575
Chi phí mua nguyên vật liệu	174.833.279.599	209.840.341.607
Chi phí khấu hao	190.412.323.663	199.070.088.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	701.530.000.692	515.185.819.128
Chi nhà thầu phụ của các cảng, các bãi	75.741.638.899	20.636.599.328
Chi phí công cụ, dụng cụ	39.726.685.692	49.164.310.269
Khác	61.580.304.898	106.958.911.267
	<u>1.526.506.042.396</u>	<u>1.348.668.597.428</u>

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	28.617.412.106	27.353.187.905
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.507.402.704	7.247.686.457
	<u>31.124.814.810</u>	<u>34.600.874.362</u>

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	170.446.855.907	1.104.887.671
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.172.775.238	3.914.932.208
	<u>172.619.631.145</u>	<u>5.019.819.879</u>

28 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	6.133.066.245	7.969.123.267
Chi phí liên quan đến hãng tàu	71.556.476.807	57.549.251.837
Khác	16.376.924.754	13.675.603.502
	<u>94.066.467.806</u>	<u>79.193.978.606</u>

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	80.095.374.624	55.600.627.978
Chi phí khấu hao	2.955.201.782	2.456.433.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.846.730.271	26.744.285.287
Khác	18.985.756.776	20.589.351.398
	<u>132.883.063.453</u>	<u>105.390.698.465</u>

30 THU NHẬP KHÁC

	2023 VND	2022 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	773.971.498	1.096.850.030
Khác	3.113.466.472	158.323.578
	<u>3.887.437.970</u>	<u>1.255.173.608</u>

31 CHI PHÍ KHÁC

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí bồi thường (Thuyết minh 15(a))	5.000.000.000	-
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	-	1.828.526.689
Khác	1.791.896.532	6.516.607.834
	<u>6.791.896.532</u>	<u>8.345.134.523</u>

32 THUẾ TNDN

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh (“GLC”), Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“VGP”) và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“GIC”) là các công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, được miễn thuế thu nhập trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Các ưu đãi thuế trên chỉ được áp dụng cho các hoạt động kinh doanh chính đáp ứng điều kiện ưu đãi đầu tư ghi trong Giấy chứng nhận Đầu tư lần đầu của các đơn vị này. Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất thông thường là 20%. Chi tiết ưu đãi thuế theo các năm được trình bày ở bảng dưới đây:

Công ty con	Ưu đãi thuế theo các năm			Thuế suất 20%
	Miễn thuế TNDN	Giảm 50% thuế TNDN	Thuế suất 10%	
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh (GLC)	2013 - 2016	2017 - 2025	2026 - 2027	Từ năm 2028 trở đi
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (VGR)	2016 - 2019	2020 - 2028	2029 - 2030	Từ năm 2031 trở đi
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (GIC)	2017 - 2020	2021 - 2029	2030 - 2031	Từ năm 2032 trở đi

Các khoản thu nhập còn lại có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

32 THUẾ TNDN (TIẾP THEO)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế TNDN khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	265.130.587.479	476.912.730.032
Thuế tính ở thuế suất 20%	53.026.117.493	95.382.546.006
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	22.026.275.557	14.899.756.352
Chi phí lãi vay không được khấu trừ (*)	10.269.501.118	-
Lỗi của công ty liên kết	4.442.036.985	3.944.516.757
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	1.184.664.327	-
Ảnh hưởng của các ưu đãi thuế, giảm thuế	(44.917.833.720)	(39.023.032.997)
Dự phòng thiếu của các năm trước	4.979.031	5.558.338.356
Điều chỉnh khác	(97.097.194)	(142.270.543)
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	20.169.917.962	3.153.749.358
Chi phí thuế TNDN (**)	<u>66.108.561.559</u>	<u>83.773.603.289</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN – hiện hành	66.464.273.744	83.968.553.635
Thuế TNDN – hoãn lại	(355.712.185)	(194.950.346)
	<u>66.108.561.559</u>	<u>83.773.603.289</u>

(*) Chi phí lãi vay không được trừ do vượt quá mức trần được quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP đề ngày 5 tháng 11 năm 2020 áp dụng đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Ngoài ra, theo quy định của Nghị định 132, phần chi phí lãi vay vượt trần chưa được khấu trừ thuế TNDN được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh khoản chi phí đó. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản chi phí lãi vay vượt trần ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty con trong Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh chi phí	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số chi phí lãi vay vượt trần VND	Số chi phí lãi vay vượt trần đã được sử dụng VND	Số chi phí lãi vay còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2023	Chưa thanh tra	(51.347.505.590)	-	(51.347.505.590)

32 THUẾ TNDN (TIẾP THEO)

(**) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế của các công ty con trong Tập đoàn có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty con trong Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2022	Chưa thanh tra	(15.768.746.790)	-	(15.768.746.790)
2023	Chưa thanh tra	(100.849.589.810)	-	(100.849.589.810)

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng của Công ty và các công ty con của Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm, nhưng không bao gồm giá mua hàng hóa liên quan tới hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	174.833.279.599	209.840.341.607
Chi phí nhân viên	368.910.249.822	311.382.278.820
Chi phí khấu hao	193.367.525.445	201.526.522.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	646.819.884.963	467.473.695.972
Chi phí bốc dỡ, đóng hàng	85.556.846.000	74.456.408.443
Chi nhà thầu phụ của các cảng, các bãi	75.741.638.899	20.636.599.328
Chi phí hoa hồng	71.556.476.807	57.549.251.837
Chi phí công cụ, dụng cụ	39.726.685.692	49.164.310.269
Khác	96.942.986.428	141.223.866.167
	<u>1.753.455.573.655</u>	<u>1.533.253.274.499</u>

34 CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	2023 VND	2022 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	121.262.450.000	110.238.010.000
Mua sắm TSCĐ nhưng chưa thanh toán	5.376.972.837	-
Thuê tài chính tăng trong năm	5.249.094.866	-
Lãi nhập gốc vay trong năm (Thuyết minh 17)	150.403.778.918	-
<i>Trong đó:</i>		
- Vay ngắn hạn	2.685.573.439	-
- Vay dài hạn	147.718.205.479	-
	157.398.110.630	110.238.010.000

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh 1.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty liên kết
	(trở thành bên liên quan từ ngày 31/5/2023)
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	Công ty liên quan khác
Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát/Ban Giám đốc/Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	2023 VND	2022 VND
i) Cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	547.058.667	-
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	3.165.341.680	2.971.028.900
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	42.445.080.884	27.860.220.523
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	6.052.305.700	-
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	270.180.651.048	255.748.021.821
	322.390.437.979	286.579.271.244

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)
(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2023	2022
		VND	VND
ii) Mua dịch vụ			
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng		122.313.317	-
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ		14.688.162.938	15.652.983.873
Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội		43.204.443	70.830.300
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ		69.948.362.473	-
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)		4.923.389.794	-
		<u>89.725.432.965</u>	<u>15.723.814.173</u>
iii) Chi phí hoa hồng			
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)		<u>18.836.790.500</u>	<u>12.504.360.000</u>
iv) Lương, thưởng cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm lương, thưởng, các khoản nhận được từ quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành từ lợi nhuận để lại của Công ty.			
Hội đồng quản trị			
Ông Bùi Minh Hưng	Chủ tịch (từ ngày 10/3/2023)	3.931.602.000	1.743.083.874
Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch (cho đến ngày 10/3/2023)	733.854.000	2.429.589.000
Ông Văn Trần Hoàn	Thành viên	440.000.000	450.000.000
Ông Tạ Công Thông	Thành viên	3.087.152.099	2.962.138.000
Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên	3.668.607.756	1.737.370.917
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên	2.091.100.000	-
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)	840.000.000	1.148.141.735
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên (cho đến ngày 9/9/2022)	315.000.000	2.724.981.000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên (cho đến ngày 9/9/2022)	-	300.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên (cho đến ngày 9/3/2022)	-	500.000.000
		<u>15.107.315.855</u>	<u>13.995.304.526</u>
Ban Kiểm soát			
Ông Trương Lý Thế Anh	Trưởng ban (từ ngày 10/3/2023)	800.651.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng ban (cho đến ngày 10/3/2023)	189.854.000	338.040.000
Bà Ngô Thị Thùy Lương	Thành viên (từ ngày 10/3/2023)	413.913.256	-
Bà Nghiêm Thị Thủy Dương	Thành viên	1.059.263.372	763.786.544
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)	326.764.638	125.000.000
		<u>2.790.446.266</u>	<u>1.226.826.544</u>

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)
(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2023 VND	2022 VND
(iv) Lương, thưởng cho các nhân sự quản lý chủ chốt (tiếp theo)			
Ban Giám đốc			
Ông Tạ Công Thông	Tổng Giám đốc (từ ngày 28/2/2024) Giám đốc Marketing (cho đến ngày 28/2/2024)	Như trên	Như trên
Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày 10/3/2023 cho đến ngày 28/2/2024) Giám đốc khai thác (cho đến ngày 10/3/2023)	Như trên	Như trên
Ông Bùi Minh Hưng	Tổng Giám đốc (cho đến ngày 10/3/2023)	Như trên	Như trên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật	2.614.933.107	2.465.938.000
Bà Trương Anh Thư	Giám đốc tài chính (từ ngày 1/3/2024)	-	-
Ông Phan Văn Hưng	Giám đốc tài chính (cho đến ngày 1/3/2024)	2.316.407.000	204.000.000
Kế toán trưởng			
Phạm Thanh Tuấn	Kế toán trưởng (từ ngày 1/3/2024)	-	-
Ông Lê Thế Trung	Kế toán trưởng (cho đến ngày 1/3/2024)	3.260.954.000	2.952.261.000

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)
(b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	45.752.120	62.795.180
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	6.442.200	54.554.040
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	12.440.338.274	5.240.297.586
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	1.269.376.920	-
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	24.694.847.334	22.889.142.633
Nguyễn Việt Trung	-	50.000.000
	<u>38.456.756.848</u>	<u>28.296.789.439</u>
ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty Cổ phần Cảng Logistics Đà Nẵng	39.586.600	43.878.784
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	1.849.819.072	2.539.221.936
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	16.691.202.661	-
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	2.366.699.690	-
	<u>20.947.308.023</u>	<u>2.583.100.720</u>

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				Tổng cộng VND
	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Khác VND	
Tổng doanh thu của bộ phận	1.048.833.291.855	270.288.395.868	339.470.619.876	522.353.104.095	2.180.945.411.694
Tổng chi phí phân bổ	(843.250.166.454)	(217.308.829.321)	(272.930.559.069)	(419.966.018.811)	(1.753.455.573.655)
Tổng cộng	205.583.125.401	52.979.566.547	66.540.060.807	102.387.085.284	427.489.838.039
Chi phí thuần về hoạt động tài chính					(141.494.816.335)
Thu nhập khác					3.887.437.970
Chi phí khác					(6.791.896.532)
Phần lỗ trong công ty liên kết					(17.959.975.663)
Thuế TNDN					(66.108.561.559)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					199.022.025.920

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				
	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Tổng thu nhập của bộ phận	974.514.896.630	143.274.511.568	461.503.344.777	428.104.741.774	2.007.397.494.749
Tổng chi phí phân bổ	(744.335.967.448)	(109.433.290.910)	(352.496.960.080)	(326.987.056.061)	(1.533.253.274.499)
Tổng cộng	230.178.929.182	33.841.220.658	109.006.384.697	101.117.685.713	474.144.220.250
Doanh thu thuần về hoạt động tài chính					29.581.054.483
Chi phí khác					(7.089.960.915)
Phân chia lợi nhuận của công ty liên kết					(19.722.583.786)
Thuế TNDN					(83.773.603.289)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					393.139.126.743

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

	Tại ngày 31/12/2023				
	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	408.384.146.551	105.242.174.068	132.179.651.861	203.388.592.134	849.194.564.614
Tài sản không phân bổ					4.341.731.289.474
Tổng tài sản					5.190.925.854.088
Nợ phải trả của bộ phận	52.831.932.854	13.614.993.434	17.099.847.168	26.312.021.496	109.858.794.952
Các khoản nợ không phân bổ					1.786.760.161.748
Tổng nợ phải trả					1.896.618.956.700
	Tại ngày 31/12/2022				
	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	486.856.778.654	71.578.348.783	230.561.926.301	213.876.356.563	1.002.873.410.301
Tài sản không phân bổ					3.363.936.913.792
Tổng tài sản					4.366.810.324.093
Nợ phải trả của bộ phận	36.785.853.087	5.408.306.381	17.420.764.217	16.160.038.386	75.774.962.071
Các khoản nợ không phân bổ					1.089.835.014.716
Tổng nợ phải trả					1.165.609.976.787

37 NỢ TIỀM TÀNG

Chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng lô đất thuê

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Một số các hợp đồng này quy định việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo các quy định hiện hành, Tập đoàn có thể có nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Tập đoàn ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được chắc chắn tùy thuộc vào các sự kiện có thể phát sinh trong tương lai, ví dụ như các thỏa thuận bổ sung với bên cho thuê đất hoặc khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng khi hợp đồng thuê đất không quy định cụ thể về nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng, việc xác định các nghĩa vụ này được coi là không chắc chắn. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên này vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

38 CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Dưới 1 năm	7.655.647.976	5.902.410.000
Từ 1 đến 5 năm	30.005.337.301	31.917.314.000
Trên 5 năm	55.619.596.388	45.612.188.259
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	93.280.581.665	83.431.912.259

39 CAM KẾT KHÁC

Bảo lãnh bằng tài sản cho các bên thứ ba:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty sử dụng phần vốn góp 15.765.000 cổ phần tại Công ty CP Cảng Xanh VIP (Mã chứng khoán: VGR) để bảo lãnh cho các bên khác vay tiền để tham gia vào hợp đồng nhận chuyển quyền sở hữu Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 17).

Bảo lãnh thanh toán cho công ty liên kết:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho khoản vay của Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ – công ty liên kết của Công ty.

40 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO

(a) Công ty trở thành cổ đông lớn của Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An

Ngày 30 tháng 1 năm 2024, Công ty đã mua 2.150.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, nâng tỉ lệ cổ phiếu nắm giữ tại công ty này từ 3.128.000 cổ phiếu lên 5.278.500 cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ sở hữu là 5% cổ phần. Cũng từ ngày này, Công ty trở thành cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An.

(b) Triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (Thuyết minh 21)

Ngày 4 tháng 1 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0104/2024/NQ-HĐQT đưa ra phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 1:1, với giá phát hành 10.000 Đồng/cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành là 133.395.642 cổ phiếu. Theo đó, thời gian chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu bắt đầu từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 18 tháng 3 năm 2024. Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho cổ phiếu của Công ty là ngày 18 tháng 1 năm 2024.

Ngày 22 tháng 2 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0222/2024/ND-HĐQT thông qua việc triển khai thực hiện thủ tục xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 443/GCN-UBCK đề ngày 29 tháng 12 năm 2023 thêm 30 ngày kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2024.

(c) Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 2 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0220/2024/ND-HĐQT thông qua việc bổ nhiệm ông Tạ Công Thông giữ chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty thay thế cho ông Cáp Trọng Cường kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2024, đồng thời, miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Marketing của Công ty đối với ông Tạ Công Thông.

(d) Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 2 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0227/2024/NQ-HĐQT thông qua việc bổ nhiệm bà Trương Anh Thư giữ chức vụ Giám đốc tài chính của Công ty thay thế cho ông Phan Văn Hưng, ông Phạm Thanh Tuấn giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty thay thế cho ông Lê Thế Trung kể từ ngày 1 tháng 3 năm 2024. Đồng thời, bổ nhiệm ông Phan Văn Hưng giữ chức vụ Giám đốc Nội chính và ông Lê Thế Trung giữ chức vụ Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị của Công ty.

40 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO (TIẾP THEO)

(e) Nhận đơn từ nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0326/2024/NQ-HĐQT đề ngày 26 tháng 3 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã tiếp nhận và chấp thuận đơn từ nhiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm ông Văn Trần Hoàn, ông Cáp Trọng Cường và ông Tạ Công Thông. Việc từ nhiệm này sẽ được trình và chấp thuận căn cứ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông gần nhất của Công ty.

Căn cứ Biên bản họp Ban Kiểm soát số 01/2024/BB-BKS đề ngày 26 tháng 3 năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiếp nhận và chấp thuận đơn từ nhiệm của các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm ông Trương Lý Thế Anh, bà Ngô Thị Thùy Lương. Việc từ nhiệm này sẽ được trình và chấp thuận căn cứ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông gần nhất của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập

Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng

Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật

* Báo cáo tài chính Công ty Mẹ năm 2023 đã kiểm toán được trình bày trên website của Công ty theo địa chỉ: www.viconship.com

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

TẠ CÔNG THÔNG